

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
TỪ NGÀY 06 THÁNG 4 NĂM 2018
ĐẾN NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2018

TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ - CTCP

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2 - 3
3. Báo cáo kiểm toán độc lập	4 - 5
4. Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2018	6 - 9
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày 06 tháng 4 năm 2018 đến ngày 31 tháng 12 năm 2018	10
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất từ ngày 06 tháng 4 năm 2018 đến ngày 31 tháng 12 năm 2018	11 - 12
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất từ ngày 06 tháng 4 năm 2018 đến ngày 31 tháng 12 năm 2018	13 - 57



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng công ty Sông Đà - CTCP (sau đây gọi tắt là “Tổng công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất từ ngày 06 tháng 4 năm 2018 đến ngày 31 tháng 12 năm 2018 bao gồm Báo cáo tài chính tổng hợp của Tổng công ty và các công ty con.

Khái quát về Tổng công ty

Tổng công ty Sông Đà - CTCP được cổ phần hóa từ Tổng công ty Sông Đà (Tổng công ty Nhà nước được thành lập theo Quyết định 996/BXD-TCLĐ ngày 15 tháng 11 năm 1995 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng). Tổng công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp, đăng ký thay đổi lần thứ 6 vào ngày 06 tháng 4 năm 2018 với mã số doanh nghiệp là 0100105870, vốn điều lệ là 4.495.371.120.000 VND.

Trụ sở chính:

- Địa chỉ : Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội
- Điện thoại : (024) 3 854 1164
- Fax : (024) 3 854 1161
- Email : banbientap@songda.vn
- Website : <http://www.songda.vn>
- Mã số thuế : 0 1 0 0 1 0 5 8 7 0

Hội đồng quản trị và Ban điều hành

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban điều hành của Tổng công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Hồ Văn Dũng	Chủ tịch	Ngày 09 tháng 4 năm 2018
Ông Trần Văn Tuấn	Thành viên	Ngày 26 tháng 3 năm 2018
Ông Nguyễn Văn Tùng	Thành viên	Ngày 26 tháng 3 năm 2018
Ông Phạm Văn Quân	Thành viên	Ngày 26 tháng 3 năm 2018
Ông Đặng Quốc Bảo	Thành viên	Ngày 26 tháng 3 năm 2018

Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Nguyễn Văn Thắng	Trưởng ban	Ngày 09 tháng 4 năm 2018
Ông Phạm Văn Viết	Thành viên	Ngày 26 tháng 3 năm 2018
Bà Trần Thị Mỹ Hào	Thành viên	Ngày 26 tháng 3 năm 2018

Ban Tổng Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Trần Văn Tuấn	Tổng giám đốc	Ngày 10 tháng 4 năm 2018
Ông Hoàng Ngọc Tú	Phó Tổng giám đốc	Ngày 08 tháng 7 năm 2018
Ông Phạm Đức Thành	Phó Tổng giám đốc	Ngày 08 tháng 7 năm 2018
Ông Nguyễn Văn Sơn	Phó Tổng giám đốc	Ngày 08 tháng 7 năm 2018

TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ - CTCP
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Kế toán trưởng

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Vũ Đức Quang	Kế toán trưởng	Bổ nhiệm ngày 08 tháng 7 năm 2018

Đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Tổng công ty là Ông Trần Văn Tuấn - Tổng giám đốc (bổ nhiệm ngày 10 tháng 4 năm 2018).

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất từ ngày 06 tháng 4 năm 2018 đến ngày 31 tháng 12 năm 2018 của Tổng công ty và các công ty con.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Tổng công ty trong trong. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Tổng công ty và các công ty con có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tổng công ty và các công ty con sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Tổng công ty và các công ty con với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Tổng công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất

Ban Tổng Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm. Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Tổng công ty và các công ty con tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất từ ngày 06 tháng 4 năm 2018 đến ngày 31 tháng 12 năm 2018, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc,

Tổng Giám đốc

Trần Văn Tuấn

Ngày 10 tháng 4 năm 2019

Head Office

02 Trương Sơn St., Ward 2, Tân Bình Dist., Ho Chi Minh City, Vietnam
Tel: 028. 3. 5472 972 Fax: 028. 3 5472 970 kttv@a-c.com.vn

Branch in Hanoi

40 Giang Vo St., Dong Da Dist., Ha Noi
Tel: 024. 3 736 7879 Fax: 024. 3 736 7869 kttv.hn@a-c.com.vn

Branch in Nha Trang

Lot STH 06A.01, Le Hong Phong II Urban Area, Phuoc Hai Ward, Nha Trang City
Tel: 0258. 3 876 555 Fax: 0258. 3 875 327 kttv.nt@a-c.com.vn

Branch in Can Tho

I5-13 Vo Nguyen Giap St., Cai Rang Dist., Can Tho City
Tel: 0292. 3 764 995 Fax: 0292. 3 764 996 kttv.ct@a-c.com.vn

Số: 2.0398/19/TC-AC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ - CTCP**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Tổng công ty Sông Đà (nay là Tổng công ty Sông Đà – CTCP) (sau đây gọi tắt là “Tổng công ty”) và các công ty con, được lập ngày 10 tháng 4 năm 2019, từ trang 07 đến trang 57, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất từ ngày 06 tháng 4 năm 2018 đến ngày 31 tháng 12 năm 2018 và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tổng công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng công ty và các công ty con theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng công ty và các công ty con có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tổng công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tổng công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Tổng công ty Sông Đà và các công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, cũng như kết quả kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất từ ngày 06 tháng 4 năm 2018 đến ngày 31 tháng 12 năm 2018, phù hợp với Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Như đã trình bày tại Thuyết minh số I.5 phần Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất, Báo cáo tài chính hợp nhất từ ngày 06 tháng 4 năm 2018 đến ngày 31 tháng 12 năm 2018 của Tổng công ty chưa bao gồm các điều chỉnh liên quan đến việc quyết toán công tác cổ phần hóa do Tổng công ty chưa có Quyết định phê duyệt quyết toán cổ phần hóa tại ngày chính thức chuyển thành công ty cổ phần.

Như trình bày tại Thuyết minh số I.7 phần thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất, số liệu so sánh của Bảng cân đối kế toán hợp nhất và các thuyết minh tương ứng là số liệu của Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 06 tháng 4 năm 2018 được lập trên cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính tổng hợp của công ty mẹ từ ngày 06 tháng 4 năm 2018 đến ngày 31 tháng 12 năm 2018 và báo cáo tài chính của các công ty con, công ty liên kết giai đoạn từ 06 tháng 4 năm 2018 đến 31 tháng 12 năm 2018 đã được kiểm toán (riêng báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Sông Đà 12, Công ty Cổ phần Điện Việt Lào chưa được kiểm toán). Số liệu ngày 06 tháng 4 năm 2018 trên Báo cáo tài chính các công ty con, công ty liên kết được lấy theo báo cáo tài chính (hoặc báo cáo tài chính hợp nhất) tại ngày 31 tháng 3 năm 2018 chưa được kiểm toán. Số liệu so sánh của Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và các thuyết minh liên quan là số liệu báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Tổng công ty Sông Đà – Công ty TNHH MTV đã được điều chỉnh theo Thông báo kết quả Kiểm toán Nhà nước số 783/KTNN – TH ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Kiểm toán Nhà nước.

Báo cáo tài chính năm 2018 của Công ty Cổ phần Sông Đà 12 (*công ty con*), Công ty Cổ phần Điện Việt Lào (*công ty liên kết*) được hợp nhất vào Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng công ty và các công ty con là Báo cáo tài chính chưa được kiểm toán bởi một tổ chức kiểm toán độc lập. Chúng tôi không được thực hiện kiểm toán, soát xét hay áp dụng bất kỳ thủ tục kiểm toán nào đối với Báo cáo tài chính năm 2018 của Công ty Cổ phần Sông Đà 12 (*công ty con*), Công ty Cổ phần Điện Việt Lào (*công ty liên kết*) và theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến hay một hình thức đảm bảo nào khác về Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Sông Đà 12 (*công ty con*), Công ty Cổ phần Điện Việt Lào (*công ty liên kết*) được hợp nhất vào Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng công ty và các công ty con.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C

Chi nhánh Hà Nội



Nguyễn Thị Tư – Phó Giám đốc

Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 0059-2018-008-1

Hà Nội, ngày 10 tháng 4 năm 2019

Lê Trọng Toàn - Kiểm toán viên

Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 2963-2015-008-1

-008- NH TY HUU C NOI TP

TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Từ ngày 06 tháng 4 năm 2018 đến ngày 31 tháng 12 năm 2018

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		13.256.686.548.645	13.776.424.789.169
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	792.062.478.397	758.589.653.071
1. Tiền	111		623.266.434.752	571.781.282.897
2. Các khoản tương đương tiền	112		168.796.043.645	186.808.370.174
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		370.554.860.930	331.519.579.347
1. Chứng khoán kinh doanh	121	V.2a	26.522.739.614	26.522.739.614
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122	V.2a	(2.610.510.864)	(2.610.510.864)
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2b	346.642.632.180	307.607.350.597
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		9.031.088.336.261	9.338.360.478.076
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3a	4.558.034.480.220	4.423.642.698.179
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	457.621.948.817	331.427.304.341
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.5a	3.050.855.595.293	3.605.439.861.069
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.6a	1.309.992.396.288	1.268.555.106.845
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.7	(356.428.515.903)	(291.651.727.006)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		11.012.431.546	947.234.648
IV. Hàng tồn kho	140	V.8	2.859.024.304.136	3.118.103.866.882
1. Hàng tồn kho	141		2.871.889.384.808	3.118.885.014.665
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(12.865.080.672)	(781.147.783)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		203.956.568.921	229.851.211.793
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.9a	73.326.122.799	84.166.062.262
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		123.384.478.124	138.276.415.750
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.19	7.245.967.998	7.408.733.781
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Từ ngày 06 tháng 4 năm 2018 đến ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		15.431.081.591.781	16.660.036.262.963
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		1.409.037.314.918	1.743.241.476.912
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211	V.3b	676.794.347.328	769.187.561.847
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215	V.5b	674.372.078.065	905.171.418.265
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.6b	67.885.645.850	68.882.496.800
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219	V.7	(10.014.756.325)	-
II. Tài sản cố định	220		10.111.390.566.691	10.013.521.450.594
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.12	10.078.860.750.167	9.985.161.767.806
<i>Nguyên giá</i>	222		18.390.047.085.470	17.687.643.897.819
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(8.311.186.335.303)	(7.702.482.130.013)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.13	21.161.395.239	16.543.382.245
<i>Nguyên giá</i>	225		32.825.583.090	19.740.000.000
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		(11.664.187.851)	(3.196.617.755)
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.14	11.368.421.285	11.816.300.543
<i>Nguyên giá</i>	228		16.603.366.011	16.603.366.011
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(5.234.944.726)	(4.787.065.468)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
<i>Nguyên giá</i>	231		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		505.291.590.216	1.260.639.347.829
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241	V.15	-	119.327.896.203
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.16	505.291.590.216	1.141.311.451.626
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		2.963.064.343.051	3.184.735.626.341
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	V.2c	2.693.723.508.560	2.927.878.375.993
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.2d	300.328.899.478	295.807.665.478
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	V.2d	(30.988.064.987)	(38.950.415.130)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		442.297.776.905	457.898.361.287
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.9b	247.841.551.779	244.123.297.767
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		2.399.361.833	2.375.988.848
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263	V.10	18.948.440.616	18.634.456.723
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
5. Lợi thế thương mại	269	V.11	173.108.422.677	192.764.617.949
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		28.687.768.140.426	30.436.461.052.132

TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Từ ngày 06 tháng 4 năm 2018 đến ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		21.150.656.995.917	22.654.139.456.487
I. Nợ ngắn hạn	310		13.327.167.956.292	13.351.650.877.203
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.17a	2.381.717.582.558	2.304.061.414.755
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.18a	1.158.161.075.840	661.890.066.234
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.19	386.945.215.579	476.194.675.539
4. Phải trả người lao động	314		306.821.552.367	267.488.343.573
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.20	535.954.383.722	1.181.500.354.186
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	V.21	10.400.631.022	12.243.028.468
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.22a	2.192.443.543.653	1.526.589.910.029
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.23a	6.299.856.715.062	6.871.236.343.554
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		286.503.920	5.894.270.996
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.24	54.580.752.569	44.552.469.869
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		7.823.489.039.625	9.302.488.579.284
1. Phải trả người bán dài hạn	331	V.17b	182.623.868.672	202.960.295.386
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	5.046.353.580
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	V.21	95.082.584.485	80.190.228.253
7. Phải trả dài hạn khác	337	V.22b	119.876.398.541	242.690.054.733
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.23b	7.403.622.697.377	8.738.251.895.842
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		15.066.468.160	12.102.293.191
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		7.217.022.390	20.997.045.980
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	250.412.319

TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Từ ngày 06 tháng 4 năm 2018 đến ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
D - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		7.537.111.144.509	7.782.321.595.645
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.25	7.537.076.548.912	7.782.287.000.048
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		4.495.371.120.000	4.495.371.120.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		4.495.371.120.000	4.495.371.120.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		121.567.440.382	87.348.327.332
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		20.998.948.125	19.953.408.828
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		(1.629.294.875.287)	(1.629.294.875.287)
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		242.940.292.010	294.376.962.459
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		749.636.060.130	486.391.358.613
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		6.798.115.744	3.797.338.433
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		916.981.352.886	1.044.056.396.987
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		774.148.134.754	1.044.056.396.987
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		142.833.218.132	-
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		9.749.706	8.499.721
13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		2.612.068.345.216	2.980.278.462.962
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		34.595.597	34.595.597
1. Nguồn kinh phí	431	V.41	34.595.597	34.595.597
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		28.687.768.140.426	30.436.461.052.132

Người lập biểu



Lê Thị Mai Hương

Kế toán trưởng



Vũ Đức Quang

Lập, ngày 10 tháng 4 năm 2019

Tổng Giám đốc



Trần Văn Tuấn

TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Từ ngày 06 tháng 4 năm 2018 đến ngày 31 tháng 12 năm 2018

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Từ ngày 06 tháng 4 năm 2018 đến ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		6.057.731.056.927	9.133.090.245.317
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		32.890.309.829	58.825.767.254
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	6.024.840.747.098	9.074.264.478.063
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	4.520.454.979.389	7.131.889.675.994
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		1.504.385.767.709	1.942.374.802.069
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	242.005.304.675	566.411.361.846
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	882.060.756.296	1.289.601.390.819
Trong đó: chi phí lãi vay	23		821.119.597.529	1.261.674.630.138
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24	VI.8	22.493.282.981	106.116.594.714
9. Chi phí bán hàng	25		5.680.524.027	8.079.387.395
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.5	511.471.662.396	657.678.470.608
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		369.671.412.646	659.543.509.807
12. Thu nhập khác	31	VI.6	45.799.803.249	69.920.424.547
13. Chi phí khác	32	VI.7	20.947.251.988	82.977.671.737
14. Lợi nhuận khác	40		24.852.551.261	(13.057.247.190)
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		394.523.963.907	646.486.262.617
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		58.201.657.495	89.240.236.061
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		2.818.715.824	2.709.269.554
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		333.503.590.588	554.536.757.002
19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		142.833.218.132	370.027.309.991
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		190.670.372.456	184.509.447.011
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.9	318	-
22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.9	318	-

Lập, ngày 10 tháng 4 năm 2019

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc





Lê Thị Mai Hường

Vũ Đức Quang

Trần Văn Tuấn

TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Từ ngày 06 tháng 4 năm 2018 đến ngày 31 tháng 12 năm 2018

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Từ ngày 06 tháng 4 năm 2018 đến ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		394.523.963.907	646.486.262.617
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02		727.024.263.208	927.155.531.252
- Các khoản dự phòng	03		69.965.911.823	20.252.201.083
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(14.146.030.944)	29.832.611.727
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(208.900.865.197)	(578.071.697.550)
- Chi phí lãi vay	06		821.119.597.529	1.261.674.630.138
- Các khoản điều chỉnh khác	07		5.067.427.007	7.697.586.679
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		1.794.654.267.333	2.315.027.125.946
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(297.846.017.592)	(76.511.591.659)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		374.449.218.593	284.227.499.822
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		588.246.203.318	(1.118.673.403.748)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		17.040.035.808	(8.856.087.455)
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	15.917.747.204
- Tiền lãi vay đã trả	14		(676.340.706.583)	(1.101.198.438.453)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(69.230.439.731)	(95.969.023.811)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		7.754.105.054	72.314.065.194
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(42.970.319.540)	(67.880.132.270)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		1.695.756.346.660	218.397.760.770
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(257.982.110.864)	(382.324.159.892)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		6.133.780.124	74.703.055.257
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(193.190.955.054)	(85.219.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		764.085.969.840	914.917.284.318
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(10.146.114.000)	(10.799.042.499)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		4.672.043.069	792.906.299.285
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		266.397.702.816	385.519.085.315
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		579.970.315.931	1.689.703.521.784

TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Từ ngày 06 tháng 4 năm 2018 đến ngày 31 tháng 12 năm 2018

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	1.828.505.060
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33		4.301.550.789.218	6.904.420.758.582
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		(6.196.735.628.176)	(8.534.745.081.045)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		(9.488.524.373)	(6.443.750.000)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(337.650.561.760)	(156.855.673.745)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(2.242.323.925.091)	(1.791.795.241.148)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		33.402.737.500	116.306.041.406
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	758.589.653.071	799.271.914.308
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		70.087.826	197.665.427
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	792.062.478.397	915.775.621.141

Người lập biểu

Lê Thị Mai Hương

Kế toán trưởng

Vũ Đức Quang

Lập, ngày 10 tháng 4 năm 2019

Tổng Giám đốc



Trần Văn Tuấn



TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Từ ngày 06 tháng 4 năm 2018 đến ngày 31 tháng 12 năm 2018

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Từ ngày 06 tháng 4 năm 2018 đến ngày 31 tháng 12 năm 2018

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Tổng công ty Sông Đà - CTCP (sau đây gọi tắt là “Tổng công ty” hay “Công ty mẹ”) là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Tổng công ty là xây lắp.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Tổng công ty là:

- Các ngành nghề kinh doanh chính: Tổng thầu xây lắp (tổng thầu EPC) và thi công xây lắp các công trình giao thông, công nghiệp, dân dụng, điện, thủy lợi, tổ hợp các công trình ngầm; thi công và xử lý nền móng công trình; xây dựng nhà các loại; kinh doanh điện thương phẩm; sản xuất, kinh doanh vật tư thiết bị, vật liệu xây dựng; chế tạo và lắp đặt các thiết bị, máy móc công nghiệp; đầu tư phát triển và kinh doanh khu đô thị, khu công nghiệp, khu kinh tế; cho thuê văn phòng;
- Các ngành nghề kinh doanh có liên quan: Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa, đường bộ; tổ chức nghiên cứu khoa học, ứng dụng và chuyển giao công nghệ; đào tạo phát triển nguồn nhân lực chuyên ngành về bất động sản và xây dựng; xuất khẩu lao động; đại lý du lịch; điều hành tua du lịch; khách sạn; dịch vụ nổ mìn./.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Tổng công ty không quá 12 tháng.

5. Đặc điểm hoạt động của Tổng Công ty trong năm có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất từ ngày 06 tháng 4 năm 2018 đến ngày 31 tháng 12 năm 2018 chưa bao gồm các điều chỉnh liên quan đến việc quyết toán công tác cổ phần hóa do Tổng công ty chưa có Quyết định phê duyệt quyết toán cổ phần hóa tại ngày chính thức chuyển thành công ty cổ phần.

6. Cấu trúc Tổng công ty

Tổng công ty bao gồm Công ty Mẹ và 26 công ty con chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Toàn bộ các công ty con được hợp nhất trong Báo cáo tài chính hợp nhất này.

6a. Danh sách các Công ty con được hợp nhất

Các Công ty con do Công ty mẹ đầu tư trực tiếp

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ lợi ích		Tỷ lệ quyền biểu quyết	
			Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
1. Công ty Cổ phần Sông Đà 2 (*)	Km 10, đường Nguyễn Trãi, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội	Xây lắp	40,77%	40,77%	40,77%	40,77%
2. Công ty Cổ phần Sông Đà 3	Số 105 Phạm Văn Đồng, thành phố Pleiku, tỉnh Gia lai	Xây lắp	51,00%	51,00%	51,00%	51,00%
3. Công ty Cổ phần Sông Đà 4	Tầng 3, nhà TM, khu đô thị Văn Khê, phường La Khê, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội	Xây lắp	65,00%	65,00%	65,00%	65,00%

TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ - CTCP

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Từ ngày 06 tháng 4 năm 2018 đến ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Các Công ty con do Công ty mẹ đầu tư trực tiếp		Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ lợi ích		Tỷ lệ quyền biểu quyết	
Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính		Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
4. Công ty Cổ phần Sông Đà 5	Tầng 5, tháp B, Tòa nhà HH4, khu đô thị Sông Đà Mỹ Đình, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội	Xây lắp	64,16%	64,16%	64,16%	64,16%
5. Công ty Cổ phần Sông Đà 6	Tầng 2, tòa nhà TM, khu đô thị Văn Khê, phường La Khê, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội	Xây lắp	65,00%	65,00%	65,00%	65,00%
6. Công ty Cổ phần Sông Đà 9	Tòa nhà Sông Đà 9, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 2, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội	Xây lắp	58,50%	58,50%	58,50%	58,50%
7. Công ty Cổ phần Sông Đà 10	Tầng 10-11, Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội	Xây lắp	62,27%	62,27%	62,27%	62,27%
8. Công ty Cổ phần Sông Đà 12 (*)	Tầng 8, khối B, Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội	Xây lắp	49,00%	49,00%	49,00%	49,00%
9. Công ty Cổ phần Phòng cháy chữa cháy và Đầu tư Xây dựng Sông Đà	Tầng 5, tòa nhà CT1-Vimeco, đường Trần Duy Hưng, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội	Xây lắp	51,00%	51,00%	51,00%	51,00%
10. Công ty Cổ phần Cơ khí - Lắp máy Sông Đà (*)	Lô A38, khu dịch vụ Đồng Dưa, phường Hà Cầu, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội	Xây lắp	46,15%	46,15%	46,15%	46,15%
11. Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Sê San 3A	Số 96, đường Phạm Văn Đồng, phường Hoa Lư, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai	Kinh doanh thủy điện	51,00%	51,00%	51,00%	51,00%
12. Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm Chiến	Tiểu khu 5, thị trấn Ít Ong, huyện Mường La, tỉnh Sơn La	Kinh doanh thủy điện	58,58%	58,58%	58,58%	58,58%
13. Công ty Cổ phần Thủy điện Cần Đơn	Áp Thanh Thủy, thị trấn Thanh Bình, huyện Bù Đốp, tỉnh Bình Phước	Kinh doanh thủy điện	50,96%	50,96%	50,96%	50,96%
14. Công ty Cổ phần Tư vấn Sông Đà	Nhà G9, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội, Việt Nam	Dịch vụ tư vấn	51,01%	51,01%	51,01%	51,01%
15. Công ty TNHH Một thành viên Hạ tầng Sông Đà	Xóm 7, Xã Cẩm Trung, huyện Cẩm Xuyên, tỉnh Hà Tĩnh	Thu phí đường bộ	100,00%	100,00%	100,00%	100,00 %

(*) Mặc dù tỷ lệ quyền biểu quyết của Tổng công ty trong các công ty trên ít hơn 50% nhưng Tổng công ty có quyền bỏ đa số phiếu tại các cuộc họp của Hội đồng quản trị. Do vậy các công ty này bị Tổng công ty kiểm soát và Báo cáo tài chính của các công ty được hợp nhất trong Báo cáo tài chính hợp nhất này.

TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ - CTCP

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Từ ngày 06 tháng 4 năm 2018 đến ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Các Công ty con do Công ty mẹ đầu tư gián tiếp			Tỷ lệ lợi ích		Tỷ lệ quyền biểu quyết	
Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
1. Công ty TNHH MTV Công trình Giao thông Sông Đà	Km 10, đường Nguyễn Trãi, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội	Xây lắp	40,77%	40,77%	100,00%	100,00%
2. Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Đà 3 - Đaklô	Thôn Măng đen, xã Đăk Long, huyện Kon Plông, tỉnh Kon Tum	Kinh doanh thủy điện	50,48%	50,48%	98,97%	98,97%
3. Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm Mu	Xã Tân Thành, huyện Bắc Giang, tỉnh Hà Giang	Kinh doanh thủy điện	29,83%	29,83%	51,00%	51,00%
4. Công ty Cổ phần Sông Đà Tây Đô	Tầng 8, tòa nhà Sông Đà 9, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 2, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội	Xây lắp	22,65%	22,65%	75,90%	75,90%
5. Công ty TNHH MTV Sông Đà 10.1	Xã Ia monông, huyện Chư Păh, tỉnh Gia Lai	Xây lắp	62,27%	62,27%	100,00%	100,00%
6. Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm He	Bản Mường Tùng, xã Mường Tùng, huyện Mường Chà, tỉnh Điện Biên	Kinh doanh thủy điện	34,92%	34,92%	56,09%	56,09%
7. Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Đà Tây Nguyên	Làng Kon Sơ Lăng, xã Hà Tây, huyện Chư Păh, tỉnh Gia Lai	Kinh doanh thủy điện	41,41%	41,41%	81,25%	81,25%
8. Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị và Nông thôn Sông Đà	Thôn Lai Xá, xã Thanh Thủy, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương	Xây lắp	37,48%	37,48%	73,48%	73,48%
9. Công ty Cổ phần Someco Hà Giang	Thôn Nậm Choong, xã Quảng Nguyên, huyện Xí Mần, tỉnh Hà Giang	Kinh doanh thủy điện	42,71%	41,88%	92,55%	90,74%
10. Công ty TNHH MTV Tư vấn Thiết kế Someco	Phòng 1004, tầng 10, CT4, khu đô thị mới Mỹ Đình, huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội	Dịch vụ tư vấn	46,15%	46,15%	100,00%	100,00%
11. Công ty TNHH MTV Kỹ thuật Công nghệ Someco	C40, TT6 Khu đô thị Văn Quán - Yên Phúc, phường Phúc La, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội	Xây lắp	46,15%	46,15%	100,00%	100,00%

6b. Danh sách các Công ty liên kết được phản ánh trong Báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ lợi ích		Tỷ lệ quyền biểu quyết	
			Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
1. Công ty Cổ phần Sông Đà 11	Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội	Xây lắp	26,86%	26,86%	26,86%	26,86%

TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ - CTCP

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Từ ngày 06 tháng 4 năm 2018 đến ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ lợi ích		Tỷ lệ quyền biểu quyết	
			Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
2. Công ty Cổ phần Điện Việt Lào	Tầng 9, khu B, tòa nhà HH4, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội	Kinh doanh thủy điện	38,29%	39,18%	38,29%	39,18%
3. Công ty Cổ phần BOT Quốc lộ 2	Trạm thu phí số 2 Km26+200 Quốc lộ 2, xã Quất Lưu, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc	Thu phí đường bộ	28,65%	28,65%	28,65%	28,65%
4. Công ty Cổ phần Phát triển nhà Khánh Hòa	Số 03 Nguyễn Thiện Thuật, phường Lộc Thọ, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa	Thu phí đường bộ	36,00%	36,00%	36,00%	36,00%
5. Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Phát triển Đô thị Sông Đà	Số 19 phố Trúc Khê, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội	Bất động sản	30,00%	30,00%	30,00%	30,00%
6. Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Đô thị và Khu công nghiệp Sông Đà	Tòa nhà Sudico, đường Mễ Trì, Phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội	Bất động sản	36,65%	36,65%	36,65%	36,65%
7. Công ty TNHH Tư vấn Xây dựng Sông Đà - Ucrin	Tầng 5, nhà G10, đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội	Dịch vụ tư vấn	50,00%	50,00%	50,00%	50,00%
8. Công ty Cổ phần Sông Đà 10.9	Lô số 7-8, LK3, Khu đô thị Đại Thanh, xã Tả Thanh Oai, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội	Xây lắp	29,10%	29,10%	29,10%	29,10%
9. Công ty Cổ phần Sông Đà 12 - Nguyên Lộc	P603, tầng 6, CT4, Khu đô thị mới Mỹ Đình, xã Mỹ Đình, huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội	Xây lắp	20,82%	20,82%	20,82%	20,82%
10. Công ty Cổ phần Sông Đà 27	Số nhà 155, đường Trần Phú, phường Lam Hồng, thị xã Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh	Xây lắp	37,23%	37,23%	37,23%	37,23%
11. Công ty Cổ phần Năng lượng Someco 1	Bản Đông Mác, xã Quý Hoà, huyện Bình Gia, tỉnh Lạng Sơn	Kinh doanh Thủy điện	24,15%	24,15%	24,15%	24,15%

7. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất

Số liệu so sánh của Bảng cân đối kế toán hợp nhất và các thuyết minh tương ứng là số liệu của Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 06 tháng 4 năm 2018 được lập trên cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính tổng hợp của công ty mẹ từ ngày 06 tháng 4 năm 2018 đến ngày 31 tháng 12 năm 2018 và báo cáo tài chính của các công ty con, công ty liên kết giai đoạn từ 06 tháng 4 năm 2018 đến 31 tháng 12 năm 2018 đã được kiểm toán (riêng báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Sông Đà 12, Công ty Cổ phần Điện Việt Lào chưa được kiểm toán). Số liệu ngày 06 tháng 4 năm 2018 trên Báo cáo tài chính các công ty con, công ty liên kết được lấy theo báo cáo tài chính (hoặc báo cáo tài chính hợp nhất) tại ngày 31 tháng 3 năm 2018 chưa được kiểm toán.

Số liệu so sánh của Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và các thuyết minh liên quan là số liệu báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Tổng công ty Sông Đà – Công ty TNHH MTV đã được điều chỉnh theo Thông báo kết quả Kiểm toán Nhà nước số 783/KTNN – TH ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Kiểm toán Nhà nước.

TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ - CTCP

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Từ ngày 06 tháng 4 năm 2018 đến ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Tổng công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Tổng công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất này được lập trên cơ sở số liệu Báo cáo tài chính tổng hợp từ ngày 06 tháng 4 năm 2018 đến ngày 31 tháng 12 năm 2018 của Tổng công ty Sông Đà - CTCP và Báo cáo tài từ ngày 06 tháng 4 năm 2018 đến ngày 31 tháng 12 năm 2018 của các công ty con.

Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi Công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi xác định quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng phát sinh từ các quyền chọn mua hoặc các công cụ nợ và công cụ vốn có thể chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong kỳ được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Báo cáo tài chính tổng hợp của công ty mẹ và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán và áp dụng các chính sách kế toán thống nhất cho các giao dịch và sự kiện cùng loại trong những hoàn cảnh tương tự. Trong trường hợp chính sách kế toán của công ty con khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tổng công ty thì Báo cáo tài chính của công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ - CTCP

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Từ ngày 06 tháng 4 năm 2018 đến ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa Công ty mẹ với công ty con và giữa các công ty con với nhau, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này phải được loại trừ hoàn toàn. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát thể hiện phần lãi hoặc lỗ trong kết quả kinh doanh và tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Tổng công ty và các công ty con và được trình bày ở khoản mục riêng trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất (thuộc phần vốn chủ sở hữu). Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

Khi Tổng công ty đầu tư để tăng tỷ lệ lợi ích nắm giữ tại công ty con, phần chênh lệch giữa giá phí khoản đầu tư thêm và giá trị ghi sổ của tài sản thuần của công ty con mua thêm tại ngày mua được ghi nhận trực tiếp vào khoản mục “Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối” trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Khi Tổng công ty thoái một phần vốn tại công ty con:

- Nếu sau khi thoái vốn Tổng công ty vẫn giữ quyền kiểm soát: kết quả của việc thoái vốn được ghi nhận vào khoản mục “Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối” trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất
- Nếu sau khi thoái vốn Tổng công ty mất quyền kiểm soát và công ty con trở thành công ty liên doanh, liên kết: khoản đầu tư còn lại được trình bày ở khoản mục “Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết” trên Báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu và kết quả của việc thoái vốn được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.
- Nếu sau khi thoái vốn Tổng công ty mất quyền kiểm soát và công ty con trở thành khoản đầu tư thông thường: khoản đầu tư còn lại được trình bày theo giá trị ghi sổ trên Báo cáo tài chính hợp nhất và kết quả của việc thoái vốn được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Trường hợp công ty con huy động thêm vốn góp từ các chủ sở hữu, nếu tỷ lệ vốn góp thêm của các bên không tương ứng với tỷ lệ hiện hành thì phần chênh lệch giữa số vốn góp thêm của Tổng công ty và phần sở hữu tăng thêm trong tài sản thuần của công ty con được ghi nhận vào khoản mục “Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối” trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất.

3. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ - CTCP

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Từ ngày 06 tháng 4 năm 2018 đến ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với hợp đồng mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Tổng công ty và các công ty con với ngân hàng.
- Đối với các khoản góp vốn hoặc nhận vốn góp: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Tổng công ty và các công ty con mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn.
- Đối với nợ phải thu: tỷ giá tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tổng công ty và các công ty con chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tổng công ty và các công ty con dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tổng công ty và các công ty con thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Tổng công ty và các công ty con mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng nơi Tổng công ty và các công ty con mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng nơi Tổng công ty và các công ty con thường xuyên có giao dịch.

4. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

5. Các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh

Khoản đầu tư được phân loại là chứng khoán kinh doanh khi nắm giữ vì mục đích mua bán để kiếm lời.

Chứng khoán kinh doanh được ghi sổ kế toán theo giá gốc. Giá gốc của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

Thời điểm ghi nhận các khoản chứng khoán kinh doanh là thời điểm Tổng công ty và các công ty con có quyền sở hữu, cụ thể như sau:

- Đối với chứng khoán niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm khớp lệnh (T+0).
- Đối với chứng khoán chưa niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm chính thức có quyền sở hữu theo quy định của pháp luật.

TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ - CTCP

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Từ ngày 06 tháng 4 năm 2018 đến ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi chứng khoán kinh doanh được mua được hạch toán giảm giá trị của chứng khoán kinh doanh đó. Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi chứng khoán kinh doanh được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá trị hợp lý thấp hơn giá gốc. Giá trị hợp lý của chứng khoán kinh doanh niêm yết trên thị trường chứng khoán hoặc được giao dịch trên sàn UPCOM là giá đóng cửa tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Trường hợp tại ngày kết thúc kỳ kế toán thị trường chứng khoán hay sàn UPCOM không giao dịch thì giá trị hợp lý của chứng khoán là giá đóng cửa phiên giao dịch trước liền kề với ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tăng, giảm số dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

Lãi hoặc lỗ từ việc chuyển nhượng chứng khoán kinh doanh được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Giá vốn được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền di động.

Riêng Chứng khoán kinh doanh của Công ty mẹ là các chứng khoán nhận được khi rút vốn đầu tư khỏi Quỹ đầu tư Việt Nam (Quỹ VIF). Số lượng chứng khoán được ghi nhận theo Biên bản hoàn trả tài sản ngày 13 tháng 5 năm 2016 giữa Công ty Liên doanh quản lý đầu tư BIDV VIETNAM PARTNERS và Tổng công ty Sông Đà. Giá gốc của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá trị thị trường trên Báo cáo danh mục đầu tư tháng 3 năm 2016 của Công ty Liên doanh quản lý đầu tư BIDV VIETNAM PARTNERS (đối với các chứng khoán có giá giao dịch) hoặc giá trị sổ sách tại thời điểm gần nhất với thời điểm ngày 13 tháng 5 năm 2016.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Tổng công ty và các công ty con có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Tổng công ty và các công ty con nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Các khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết và các đơn vị khác

Công ty liên doanh

Công ty liên doanh là doanh nghiệp được thành lập trên cơ sở thỏa thuận trên hợp đồng mà theo đó Tổng công ty và các công ty con và các bên tham gia thực hiện hoạt động kinh tế trên cơ sở đồng kiểm soát. Đồng kiểm soát được hiểu là việc đưa ra các quyết định mang tính chiến lược liên quan đến các chính sách hoạt động và tài chính của công ty liên doanh phải có sự đồng thuận của các bên tham gia liên doanh.

TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ - CTCP

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Từ ngày 06 tháng 4 năm 2018 đến ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Tổng công ty và các công ty con ghi nhận lợi ích của mình trong cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo đó khoản vốn góp trong liên doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Tổng công ty và các công ty con trong tài sản thuần của cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất phản ánh phần sở hữu của Tổng công ty và các công ty con trong kết quả hoạt động kinh doanh của cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát. Tổng công ty và các công ty con ngừng sử dụng phương pháp vốn chủ sở hữu kể từ ngày kết thúc quyền đồng kiểm soát hoặc không có ảnh hưởng đáng kể đối với cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát.

Báo cáo tài chính của cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được lập cùng kỳ kế toán với Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng công ty và các công ty con. Khi chính sách kế toán của cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Các khoản lãi, lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được loại trừ tương ứng với phần thuộc về Tổng công ty khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Công ty liên kết

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Tổng công ty và các công ty con có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết được ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo đó, khoản đầu tư vào công ty liên kết được thể hiện trên Báo cáo tài chính hợp nhất theo chi phí đầu tư ban đầu và điều chỉnh cho các thay đổi trong phần lợi ích trên tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày đầu tư. Nếu lợi ích của Tập đoàn trong khoản lỗ của công ty liên kết lớn hơn hoặc bằng giá trị ghi sổ của khoản đầu tư thì giá trị khoản đầu tư được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất là bằng không trừ khi Tổng công ty và các công ty con có các nghĩa vụ thực hiện thanh toán thay cho công ty liên kết.

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng kỳ kế toán với Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng công ty và các công ty con. Khi chính sách kế toán của công ty liên kết khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tổng công ty và các công ty con thì Báo cáo tài chính của công ty liên kết sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Các khoản lãi, lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các công ty liên kết được loại trừ tương ứng với phần thuộc về Tổng công ty và các công ty con khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Tổng công ty và các công ty con không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.

TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ - CTCP

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Từ ngày 06 tháng 4 năm 2018 đến ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Tổng công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

6. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Tổng công ty và công ty con và người mua là đơn vị độc lập với Tập đoàn.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

7. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính, chi phí nhân công và các chi phí có liên quan trực tiếp khác.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên. Phương pháp tính giá gốc hàng tồn kho cuối kỳ được lựa chọn phù hợp với từng loại hàng tồn kho.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho tại các Công ty con có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt. Tăng, giảm số dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ - CTCP

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Từ ngày 06 tháng 4 năm 2018 đến ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

8. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán.

Chi phí tái cấu trúc doanh nghiệp

Chi phí tái cơ cấu doanh nghiệp được phân bổ vào chi phí trong năm theo phương pháp đường thẳng trong thời gian vay là 32 năm.

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 2 năm.

Giá trị lợi thế kinh doanh

Giá trị thương hiệu Sông Đà được ghi nhận theo Biên bản xác định giá trị doanh nghiệp tại thời điểm ngày 01 tháng 01 năm 2015 đã được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Giá trị thương hiệu Sông Đà được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 3 năm kể từ thời điểm Tổng công ty chính thức chuyển thành công ty cổ phần.

9. Tài sản thuê hoạt động

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

10. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tổng công ty và các công ty con phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Các tài sản cố định hữu hình của Công ty mẹ được đánh giá lại tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa. Nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được điều chỉnh theo kết quả đánh giá lại đã được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt theo qui định. Thời gian khấu hao của các tài sản này là thời gian sử dụng còn lại ước tính.

Tài sản cố định hữu hình khấu hao theo phương pháp đường thẳng để trừ dần nguyên giá TSCĐ theo thời gian hữu dụng ước tính phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 45/2013/TTBTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

11. Tài sản cố định thuê tài chính

Thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người đi thuê. Tài sản cố định thuê tài chính được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định thuê tài chính là giá thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu của hợp đồng thuê và giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Tỷ lệ chiết khấu để tính giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu cho việc thuê tài sản là lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê tài sản hoặc lãi suất ghi trong hợp đồng. Trong trường hợp không thể xác định được lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê thì sử dụng lãi suất tiền vay tại thời điểm khởi đầu việc thuê tài sản.

TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ - CTCP

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Từ ngày 06 tháng 4 năm 2018 đến ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Tài sản cố định thuê tài chính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Trong trường hợp không chắc chắn Tổng công ty và các công ty con sẽ có quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê thì tài sản cố định sẽ được khấu hao theo thời gian ngắn hơn giữa thời gian thuê và thời gian hữu dụng ước tính.

12. Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư là quyền sử dụng đất, nhà, một phần của nhà hoặc cơ sở hạ tầng thuộc sở hữu của Tổng công ty hay thuê tài chính được sử dụng nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá. Bất động sản đầu tư cho thuê được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Bất động sản đầu tư chờ tăng giá được trình bày theo nguyên giá trừ suy giảm giá trị. Nguyên giá của bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí mà Tổng công ty và các công ty con phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành.

Các chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi nhận vào chi phí, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá.

Khi bất động sản đầu tư được bán, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ nào phát sinh được hạch toán vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho thành bất động sản đầu tư chỉ khi chủ sở hữu chấm dứt sử dụng tài sản đó và bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động hoặc khi kết thúc giai đoạn xây dựng. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hay hàng tồn kho chỉ khi chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này hoặc bắt đầu triển khai cho mục đích bán. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho không làm thay đổi nguyên giá hay giá trị còn lại của bất động sản tại ngày chuyển đổi.

Bất động sản đầu tư sử dụng để cho thuê được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính.

Bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá không được trích khấu hao. Trường hợp có bằng chứng chắc chắn cho thấy bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá bị giảm giá so với giá trị thị trường và khoản giảm giá được xác định một cách đáng tin cậy thì bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá được ghi giảm nguyên giá và tổn thất được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

13. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tổng công ty và các công ty con phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định vô hình của Tổng công ty và các công ty con bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Tổng công ty và các công ty con đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... hoặc Quyền sử dụng đất là tiền thuê đất Tập đoàn trả một lần cho nhiều năm và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Quyền sử dụng đất này

TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ - CTCP

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Từ ngày 06 tháng 4 năm 2018 đến ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

được khấu hao theo thời hạn giao đất hoặc thuê đất. Trường hợp quyền sử dụng đất không xác định thời hạn thì không tính khấu hao.

Phần mềm máy tính

Giá mua của phần mềm máy tính mà không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Tổng công ty và các công ty con đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng.

Các tài sản cố định vô hình của Công ty mẹ được đánh giá lại tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa. Nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được điều chỉnh theo kết quả đánh giá lại đã được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt theo qui định. Thời gian khấu hao của các tài sản này là thời gian sử dụng còn lại ước tính

14. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tổng công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

15. Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại

Việc hợp nhất kinh doanh được kế toán theo phương pháp mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm: giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do Tổng công ty phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản đã mua, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh được ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày nắm giữ quyền kiểm soát.

Đối với giao dịch hợp nhất kinh doanh qua nhiều giai đoạn, giá phí hợp nhất kinh doanh được tính là tổng của giá phí khoản đầu tư tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con cộng với giá phí khoản đầu tư của những lần trao đổi trước đã được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con. Chênh lệch giữa giá đánh giá lại và giá gốc khoản đầu tư được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh nếu trước ngày đạt được quyền kiểm soát Tổng công ty không có ảnh hưởng đáng kể với công ty con và khoản đầu tư được trình bày theo phương pháp giá gốc. Nếu trước ngày đạt được quyền kiểm soát, Tổng công ty có ảnh hưởng đáng kể và khoản đầu tư được trình bày theo phương pháp vốn chủ sở hữu thì phần chênh lệch giữa giá đánh giá lại và giá trị khoản đầu tư theo phương pháp vốn chủ sở hữu được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh và phần chênh lệch giữa giá trị khoản đầu tư theo phương pháp vốn chủ sở hữu và giá gốc khoản đầu tư được ghi nhận trực tiếp vào khoản mục "Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối" trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Phần chênh lệch cao hơn của giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần sở hữu của Tổng công ty trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con được ghi nhận là lợi thế thương mại. Nếu phần sở hữu của Tổng công ty trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và nợ tiềm tàng được ghi nhận tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con vượt quá giá phí hợp nhất kinh doanh thì phần chênh lệch được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong 10 năm. Khi có bằng chứng cho thấy lợi thế thương mại bị tổn thất lớn hơn số phân bổ thì số phân bổ trong năm là số tổn thất phát sinh.

TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ - CTCP

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Từ ngày 06 tháng 4 năm 2018 đến ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của các cổ đông không kiểm soát trong giá trị hợp lý của tài sản, nợ phải trả và nợ tiềm tàng được ghi nhận.

16. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Tập đoàn, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

17. Dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Tổng công ty và các công ty con có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, việc thanh toán nghĩa vụ nợ này có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và giá trị của nghĩa vụ nợ đó có thể được ước tính một cách đáng tin cậy.

Nếu ảnh hưởng của thời gian là trọng yếu, dự phòng sẽ được xác định bằng cách chiết khấu số tiền phải bỏ ra trong tương lai để thanh toán nghĩa vụ nợ với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và những rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Khoản tăng lên của số dự phòng do thời gian trôi qua được ghi nhận là chi phí tài chính.

18. Trái phiếu thường

Trái phiếu thường là trái phiếu không có quyền chuyển đổi thành cổ phiếu. Giá trị ghi sổ của trái phiếu thường được phản ánh theo mệnh giá tại ngày phát hành.

Chi phí phát hành trái phiếu được phân bổ dần phù hợp với kỳ hạn trái phiếu theo phương pháp đường thẳng hoặc phương pháp lãi suất thực tế và ghi nhận vào chi phí tài chính hoặc vốn hóa. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, chi phí phát hành trái phiếu chuyển đổi được ghi giảm phần nợ gốc của trái phiếu nếu việc phân bổ được thực hiện theo phương pháp đường thẳng hoặc ghi tăng phần nợ gốc của trái phiếu nếu việc phân bổ được thực hiện theo phương pháp lãi suất thực tế. Định kỳ, chi phí phát hành trái phiếu chuyển đổi được phân bổ bằng cách ghi tăng giá trị nợ gốc và ghi nhận vào chi phí tài chính hoặc vốn hóa phù hợp với việc ghi nhận lãi vay phải trả của trái phiếu.

19. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ - CTCP

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Từ ngày 06 tháng 4 năm 2018 đến ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu hoặc phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Vốn khác của chủ sở hữu

Vốn khác được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, đánh giá lại tài sản và giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản được tặng, biếu, tài trợ sau khi trừ các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản này.

Cổ phiếu quỹ

Khi mua lại cổ phiếu do các công ty con phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào khoản mục “Thặng dư vốn cổ phần”.

Chênh lệch đánh giá lại tài sản

Là các khoản chênh lệch đánh giá lại tài sản tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa Công ty mẹ - Tổng công ty Sông Đà.

Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản

Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản phản ánh số hiện có và tình hình tăng, giảm nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản của Tổng công ty. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản của Tổng công ty được hình thành do Ngân sách cấp hoặc đơn vị cấp trên cấp. Vốn đầu tư xây dựng cơ bản của Tổng công ty được dùng cho việc đầu tư xây dựng mới, cải tạo, mở rộng cơ sở sản xuất, kinh doanh và mua sắm tài sản cố định để đổi mới công nghệ.

20. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho chủ sở hữu sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Tổng công ty và các công ty con cũng như các quy định của pháp luật và đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho chủ sở hữu được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả lợi nhuận như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Lợi nhuận được ghi nhận là nợ phải trả khi được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

21. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Tổng công ty và các công ty con đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa, sản phẩm cho người mua.
- Tổng công ty và các công ty con không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa, sản phẩm như người sở hữu hàng hóa, sản phẩm hoặc quyền kiểm soát hàng hóa, sản phẩm.

TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ - CTCP

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Từ ngày 06 tháng 4 năm 2018 đến ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Tổng công ty và các công ty con đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Tổng công ty và các công ty con đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phân công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Doanh thu bán bất động sản

Doanh thu bán bất động sản mà Tổng công ty và các công ty con đã là chủ đầu tư được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời tất cả các điều kiện sau:

- Bất động sản đã hoàn thành toàn bộ và bàn giao cho người mua, Tổng công ty và các công ty con đã chuyển giao rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu bất động sản cho người mua.
- Tổng công ty và các công ty con không còn nắm giữ quyền quản lý bất động sản như người sở hữu bất động sản hoặc quyền kiểm soát bất động sản.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Tổng công ty và các công ty con đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán bất động sản.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán bất động sản.

Trường hợp khách hàng có quyền hoàn thiện nội thất của bất động sản và Tổng công ty và các công ty con đã thực hiện việc hoàn thiện nội thất của bất động sản theo đúng thiết kế, mẫu mã, yêu cầu của khách hàng theo một hợp đồng hoàn thiện nội thất bất động sản riêng thì doanh thu được ghi nhận khi hoàn thành, bàn giao phần xây thô cho khách hàng.

Doanh thu bán bất động sản phân lô bán nền

Doanh thu bán bất động sản phân lô bán nền đối với hợp đồng không hủy ngang được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời tất cả các điều kiện sau:

- Đã chuyển giao rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sử dụng đất cho người mua.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

HÀNG
VĂN
HÀNG

TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ - CTCP

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Từ ngày 06 tháng 4 năm 2018 đến ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán nền đất.
- Tổng công ty và các công ty con đã thu được hoặc chắc chắn sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán nền đất.

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Tiền cho thuê nhận trước của nhiều kỳ được phân bổ vào doanh thu phù hợp với thời gian cho thuê.

Trường hợp thời gian cho thuê chiếm trên 90% thời gian sử dụng hữu ích của tài sản, doanh thu được ghi nhận một lần đối với toàn bộ số tiền cho thuê nhận trước nếu thỏa mãn đồng thời các điều kiện sau:

- Bên đi thuê không có quyền hủy ngang hợp đồng thuê và Tập đoàn đã không có nghĩa vụ phải trả lại số tiền đã nhận trước trong mọi trường hợp và dưới mọi hình thức.
- Số tiền nhận trước từ việc cho thuê không nhỏ hơn 90% tổng số tiền cho thuê dự kiến thu được theo hợp đồng trong suốt thời hạn cho thuê và bên đi thuê phải thanh toán toàn bộ số tiền thuê trong vòng 12 tháng kể từ thời điểm khởi đầu thuê tài sản.
- Hầu như toàn bộ rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuê đã chuyển giao cho bên đi thuê.
- Giá vốn của hoạt động cho thuê được ước tính tương đối đầy đủ.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Tổng công ty và các công ty con đã được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

22. Hợp đồng xây dựng

Hợp đồng xây dựng là một hợp đồng được thỏa thuận để xây dựng một tài sản hoặc tổ hợp các tài sản có liên quan chặt chẽ hay phụ thuộc lẫn nhau về mặt thiết kế, công nghệ, chức năng hoặc mục đích sử dụng cơ bản của chúng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy:

- Đối với các hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch: doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do Tổng công ty và các công ty con đã tự xác định vào ngày kết thúc kỳ kế toán.
- Đối với các hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện: doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận và được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Các khoản tăng, giảm khối lượng xây lắp, các khoản thu bồi thường và các khoản thu khác chỉ được ghi nhận doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể ước tính được một cách đáng tin cậy:

- Doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn.

TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ - CTCP

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Từ ngày 06 tháng 4 năm 2018 đến ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

- Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận vào chi phí khi đã phát sinh.

Chênh lệch giữa tổng doanh thu lũy kế của hợp đồng xây dựng đã ghi nhận và khoản tiền lũy kế ghi trên hóa đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch của hợp đồng được ghi nhận là khoản phải thu hoặc phải trả theo tiến độ kế hoạch của các hợp đồng xây dựng.

23. Các khoản giảm trừ doanh thu

Là hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ hàng hóa được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh.

Trường hợp hàng hóa đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ này mới phát sinh giảm giá hàng bán thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc:

- Nếu khoản trả lại phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính hợp nhất của kỳ này.
- Nếu khoản trả lại phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính hợp nhất của kỳ sau.

24. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được tính vào giá trị của tài sản đó. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

25. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

26. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ - CTCP

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Từ ngày 06 tháng 4 năm 2018 đến ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Tổng công ty và các công ty con có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Tổng công ty và các công ty con dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

27. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ - CTCP

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Từ ngày 06 tháng 4 năm 2018 đến ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Tại ngày 31/12/2018	Tại ngày 06/4/2018
Tiền mặt	36.034.559.034	62.064.296.524
Tiền gửi ngân hàng	587.231.875.718	509.716.986.373
Các khoản tương đương tiền (các khoản tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng)	168.796.043.645	186.808.370.174
Cộng	792.062.478.397	758.589.653.071

2. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Tổng công ty và các công ty con bao gồm chứng khoán kinh doanh, đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác. Thông tin về các khoản đầu tư tài chính của Tổng công ty và các công ty con như sau:

2a. Chứng khoán kinh doanh

	Tại ngày 31/12/2018		Tại ngày 06/4/2018	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Công ty Cổ phần Giấy Sài Gòn (*)	1.600.500.000		1.600.500.000	
Công ty Cổ phần Bưu chính Viễn thông Sài Gòn(*)	1.577.041.250		1.577.041.250	
Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú(*)	18.204.120.000		18.204.120.000	
Công ty Cổ phần Công nghiệp Thương mại Sông Đà	300.000	(136.200)	300.000	(136.200)
Công ty Cổ phần Xi măng Sông Đà	400.000		400.000	
Công ty Cổ phần Xây lắp và Đầu tư Sông Đà	815.000.000		815.000.000	
Công ty Cổ phần Thương mại và Dầu khí Sông Đà	1.323.404.364	(935.324.664)	1.323.404.364	(935.324.664)
Công ty Cổ phần Đầu tư Tổng hợp Sông Đà	1.974.000		1.974.000	
Công ty Cổ phần Sông Đà Cao Cường	3.000.000.000	(1.675.050.000)	3.000.000.000	(1.675.050.000)
Cộng	26.522.739.614	(2.610.510.864)	26.522.739.614	(2.610.510.864)

(*) Đây là các chứng khoán được nhận khi rút vốn khỏi Quỹ Đầu tư Việt Nam (Quỹ VIF), được ghi nhận theo Biên bản hoàn trả tài sản ngày 13 tháng 5 năm 2016 giữa Công ty Liên doanh quản lý đầu tư BIDV VIETNAM PARTNERS và Tổng công ty Sông Đà.

2b. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Là các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại các ngân hàng có thời hạn trên 3 tháng dưới 1 năm.

TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ - CTCP

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Từ ngày 06 tháng 4 năm 2018 đến ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**2c. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết**

	Tại ngày 31/12/2018	Tại ngày 06/4/2018
Công ty Cổ phần BOT Quốc lộ 2	121.529.338.160	121.529.338.160
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Phát triển Đô thị Sông Đà	134.560.861.291	132.984.095.378
Công ty TNHH Tư vấn Xây dựng Sông Đà - Ucrin	3.615.250.941	3.615.250.941
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Đô thị và Khu công nghiệp Sông Đà	914.838.736.353	1.000.953.706.818
Công ty Cổ phần Sông Đà 11	132.293.409.784	129.122.951.708
Công ty Cổ phần Phát triển nhà Khánh Hòa	22.511.509.292	24.854.411.066
Công ty Cổ phần Điện Việt - Lào	1.304.786.812.782	1.358.231.939.295
Công ty Cổ phần Cao su Phú Riềng Kratie	4.000.000.000	100.000.000.000
Công ty Cổ phần Sông Đà 10.9	12.409.552.807	12.445.024.419
Công ty Cổ phần Sông Đà 12 - Nguyên Lộc	5.573.526.465	5.573.526.465
Công ty Cổ phần Năng lượng Someco 1	37.604.510.685	38.568.131.743
Cộng	2.693.723.508.560	2.927.878.375.993

Các khoản do Công ty mẹ đầu tư trực tiếp vào Công ty liên kết được điều chỉnh để ghi nhận theo phương pháp vốn chủ như sau:

Tên công ty	Vốn góp đến ngày 31/12/2018	Chênh lệch xác định giá trị cổ phiếu thưởng	Tăng, giảm giá trị đầu tư do hợp nhất theo phương pháp vốn chủ	Giá trị khoản đầu tư tại ngày 31/12/2018
Công ty Cổ phần BOT Quốc Lộ 2	44.700.000.000		76.829.338.160	121.529.338.160
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Phát triển Đô thị Sông Đà	90.000.000.000		44.560.861.291	134.560.861.291
Công ty TNHH Tư Vấn Xây dựng Sông Đà - UCRIN	1.782.968.647		1.832.282.294	3.615.250.941
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Đô thị và Khu Công nghiệp Sông Đà	388.355.965.544	99.645.549.600	426.837.221.209	914.838.736.353
Công ty Cổ phần Sông Đà 11	28.212.000.000		104.081.409.784	132.293.409.784
Công ty Cổ phần Phát triển nhà Khánh Hòa	20.887.000.000		1.624.509.292	22.511.509.292
Công ty Cổ phần Điện Việt - Lào	1.097.658.050.909		207.128.761.873	1.304.786.812.782
Công ty Cổ phần Cao su Phú Riềng Kratie	100.000.000.000		(96.000.000.000)	4.000.000.000
Cộng	1.771.595.985.100	99.645.549.600	766.894.383.903	2.638.135.918.603

TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ - CTCP

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Từ ngày 06 tháng 4 năm 2018 đến ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Các khoản do Công ty mẹ đầu tư gián tiếp qua các Công ty con vào Công ty liên kết được điều chỉnh để ghi nhận theo phương pháp vốn chủ như sau:

Tên công ty	Vốn góp đến ngày 31/12/2018	Tăng, giảm giá trị đầu tư do hợp nhất theo phương pháp vốn chủ	Giá trị khoản đầu tư tại ngày 31/12/2018
Công ty Cổ phần Sông Đà 27	5.856.360.000	(5.856.360.000)	
Công ty CP Sông Đà 10.9	4.560.000.000	7.849.552.807	12.409.552.807
Công ty Cổ phần Sông Đà 12 - Nguyễn Lộc	7.080.000.000	(1.506.473.535)	5.573.526.465
Công ty Cổ phần Năng lượng Someco 1	39.124.823.018	(1.520.312.333)	37.604.510.685
Tổng cộng	56.621.183.018	(1.033.593.061)	55.587.589.957

Tình hình hoạt động của các công ty liên doanh, liên kết

Các công ty liên doanh, liên kết đang hoạt động kinh doanh bình thường, không có thay đổi lớn so với năm trước.

Giao dịch với các công ty liên doanh, liên kết

Các giao dịch trọng yếu giữa Tập đoàn với các công ty liên doanh, liên kết như sau:

**Từ ngày 06/4/2018 đến
ngày 31/12/2018**

Cung cấp dịch vụ cho bên liên kết

Công ty Cổ phần Sông Đà 11	101.589.091
Công ty Cổ phần điện Việt Lào	599.714.657
Công ty Cổ phần Phát triển nhà Khánh Hòa	21.519.611
Công ty TNHH Tư vấn Xây dựng Sông Đà – Ucrin	10.361.128

Nhận cổ tức

Công ty Cổ phần Phát triển Nhà Khánh Hòa	2.088.700.000
Công ty Cổ phần Sông Đà 11	3.413.300.000
Công ty TNHH Tư vấn Xây dựng Sông Đà Ucrin	68.871.065

Lãi cho vay

Công ty Cổ phần Điện Việt Lào	61.724.643.992
-------------------------------	----------------

2d. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Tại ngày 31/12/2018		Tại ngày 06/4/2018	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Năng lượng Vinaconex	55.396.800.278		55.297.680.278	
Công ty Cổ phần Thủy điện Đakdrinh	13.082.914.986		13.082.914.986	
Công ty Cổ phần Thủy điện Sơn Trà	1.536.000.000		1.536.000.000	
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Dung Quất	538.200.000		538.200.000	
Công ty Cổ phần Sông Đà - Đất Vàng	15.000.000.000	(359.829.045)	15.000.000.000	(359.829.045)

TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ - CTCP

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Từ ngày 06 tháng 4 năm 2018 đến ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	Tại ngày 31/12/2018		Tại ngày 06/4/2018	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Công ty Cổ phần Tư vấn Sông Đà Sao	300.000.000		300.000.000	
Công ty Cổ phần Sông Đà Nha Trang	5.930.749.831		5.930.749.831	
Công ty Cổ phần Công nghiệp Cao su COECO	4.573.200.000		4.573.200.000	
Công ty Cổ phần Khai thác và Chế biến Khoáng sản Sông Đà	25.724.000.000		25.724.000.000	
Công ty Cổ phần Kỹ thuật điện Sông Đà	165.300.000	(143.834.592)	165.300.000	
Công ty Cổ phần Thủy điện Sứ Pán 2	35.258.322.110		35.258.322.110	
Công ty Cổ phần Thủy điện Hồ Bốn	2.951.350.000		2.951.350.000	
Công ty Cổ phần Thủy điện Hương Sơn	6.935.500.000		7.200.500.000	
Tổng công ty Hà Thành	110.000.000		110.000.000	
Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm Mực	1.940.000.000		1.940.000.000	
Công ty Cổ phần Vận tải Sản phẩm Dầu mỏ Phương Đông	500.000.000	(300.000.000)	500.000.000	(250.000.000)
Công ty Cổ phần Xây dựng Hạ tầng Sông Đà	18.628.000.000	(16.392.640.000)	18.628.000.000	(16.765.200.000)
Công ty Cổ phần Sông Đà 1	5.784.940.000	(5.294.940.000)	5.784.940.000	(5.221.440.000)
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Vân Phong	9.450.000.000	(3.061.392.064)	9.450.000.000	(3.048.083.453)
Công ty Cổ phần G.S.M	585.000.000	(292.500.000)	585.000.000	(292.500.000)
Công ty Cổ phần Thủy điện Đăk Psi	2.841.309.273		2.841.309.273	
Công ty Cổ phần Đầu tư Vĩnh Sơn	102.000.000		102.000.000	
Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Sông Đà	1.500.000.000		1.500.000.000	
Công ty Cổ phần Thủy điện Đăk sor 3	500.000.000		500.000.000	
Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Đà Tây Nguyên	10.445.280.000	(2.262.929.286)	10.445.280.000	(2.558.362.632)
Công ty TNHH Đầu tư BT Cam Lộ - Túy Loan	67.842.533.000		57.696.419.000	
Công ty Cổ phần Đầu tư PV - Inconess	457.500.000		457.500.000	
Công ty Cổ phần Thủy điện Cao Nguyên - Sông Đà	50.000.000		50.000.000	
Công ty Cổ phần Sông Đà Hà Nội	6.000.000.000	(2.880.000.000)	6.000.000.000	(5.480.000.000)
Công ty Cổ phần Năng lượng Dầu khí Toàn cầu	6.200.000.000		6.200.000.000	
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Đô thị và Khu công nghiệp Sông Đà Miền Trung			5.459.000.000	(4.975.000.000)
Cộng	300.328.899.478	(30.988.064.987)	295.807.665.478	(38.950.415.130)

TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ - CTCP

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Từ ngày 06 tháng 4 năm 2018 đến ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**3. Phải thu ngắn hạn/dài hạn của khách hàng****3a. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	Tại ngày 31/12/2018	Tại ngày 06/4/2018
Phải thu các bên liên quan	918.123.417.016	896.465.075.307
Công ty Cổ phần Sông Đà 11	375.233.143	375.233.143
Công ty TNHH MTV Sông Đà 11 Thăng Long	270	
Công ty Cổ phần Điện Việt - Lào	36.844.040.047	26.922.950.231
Công ty TNHH Điện Xekaman 1	296.389.184.449	302.020.049.959
Công ty TNHH Điện Xekaman 3	566.856.030.435	558.746.470.965
Công ty TNHH Tư vấn xây dựng Sông Đà - Ucerin	3.596.165.254	1.962.157.963
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Phát triển Đô thị Sông Đà	407.426.143	407.426.143
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Đô thị và Khu công nghiệp Sông Đà	12.313.584.117	4.691.185.706
Công ty Cổ phần Năng lượng Someco 1	1.339.601.197	1.339.601.197
Công ty Cổ phần Phát triển nhà Khánh Hòa	2.151.961	
Phải thu các khách hàng khác	3.639.911.063.204	3.527.177.622.872
Ban Quản lý Dự án Nhà máy Thủy điện Đồng Nai 5	455.499.407.652	470.353.102.719
Công ty Mua Bán Điện - Tập đoàn Điện lực Việt Nam	165.963.309.859	250.952.646.333
Công ty Cổ phần Đầu tư Đèo Cả	141.147.860.198	141.147.860.198
Công ty TNHH Xây dựng Hưng Hải	114.223.723.727	114.223.723.727
Liên danh CMC/ITD/Sông Đà	161.757.904.400	22.831.395.038
Công ty Cổ phần Sông Đà - Hoàng Long	74.987.697.224	118.109.702.649
Tổng công ty Cổ phần Thương mại Xây dựng	124.777.128.485	120.331.642.957
Ban quản lý Dự án Nhà máy Thủy điện Sơn La	30.708.530.105	107.354.933.312
Các khách hàng khác	2.370.845.501.554	2.181.872.615.939
Cộng	4.558.034.480.220	4.423.642.698.179

3b. Phải thu dài hạn của khách hàng

	Tại ngày 31/12/2018	Tại ngày 06/4/2018
Phải thu các bên liên quan	168.000.845.438	218.159.994.038
Công ty Cổ phần Điện Việt - Lào	19.858.329.399	855.860.755
Công ty TNHH Điện Xekaman 3	233.870.459	
Công ty TNHH Điện Xekaman 1	147.863.829.383	217.259.317.086
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Đô thị và Khu công nghiệp Sông Đà	44.816.197	44.816.197
Phải thu các khách hàng khác	508.793.501.890	551.027.567.809
Ban quản lý Dự án Thủy điện 1	181.593.875.281	179.112.937.503
Ban Quản lý Dự án Nhà máy Thủy điện Sơn La	128.642.883.475	180.691.588.475
Công ty OSABY	99.489.521.052	98.801.832.412
Các khách hàng khác	99.067.222.082	92.421.209.419
Cộng	676.794.347.328	769.187.561.847

TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ - CTCP

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Từ ngày 06 tháng 4 năm 2018 đến ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Tại ngày 31/12/2018	Tại ngày 06/4/2018
<i>Trả trước cho các bên liên quan</i>	3.503.493.506	5.709.378.441
Công ty Cổ phần Sông Đà 11	10.010.783	1.166.745.184
Công ty TNHH Tư vấn Xây dựng Sông Đà - Ucrin	76.237.000	355.110.549
Công ty Cổ phần Sông Đà 10.9	1.384.839.467	2.500.881.708
Công ty TNHH MTV Sông Đà 11 Thăng Long	2.032.406.256	
Công ty Cổ phần Phát triển nhà Khánh Hòa		1.686.641.000
<i>Trả trước cho người bán khác</i>	454.118.455.311	325.717.925.900
Công ty Cổ phần Vật tư Xăng dầu Lai Châu	47.757.884.047	
Công ty Cổ phần Xây dựng Thương mại An Xuân Thịnh	63.727.569.730	35.678.453.214
Công ty TNHH Nhạc Sơn	54.548.208.601	8.506.000.000
Các nhà cung cấp khác	288.084.792.933	281.533.472.686
Cộng	457.621.948.817	331.427.304.341

5. Phải thu về cho vay ngắn hạn/dài hạn**5a. Phải thu về cho vay ngắn hạn**

	Tại ngày 31/12/2018	Tại ngày 06/4/2018
<i>Cho các bên liên quan vay</i>	945.925.982.897	899.420.677.586
Công ty Cổ phần Điện Việt Lào	945.766.650.439	899.261.345.128
Công ty Cổ phần Năng Lượng Someco 1	159.332.458	159.332.458
<i>Cho các tổ chức và cá nhân khác vay</i>	2.104.929.612.396	2.706.019.183.483
Công ty Cổ phần Xi măng Hạ Long – vốn lưu động	1.002.208.346.248	1.006.208.346.248
Công ty Cổ phần Xi măng Hạ Long – cho vay lại	1.061.512.960.765	1.638.563.492.972
Công ty Cổ phần Thủy điện Sừ Pán 2	15.000.000.000	15.000.000.000
Tổng công ty Xây dựng và Phát triển Hạ tầng - CTCP	23.608.305.383	23.265.047.920
Công ty Đầu tư Xây dựng và Phát triển năng lượng Phúc Khánh	2.500.000.000	2.500.000.000
Viện Kinh tế xây dựng	100.000.000	100.000.000
Đối tượng khác		20.382.296.343
Cộng	3.050.855.595.293	3.605.439.861.069

5b. Phải thu về cho vay dài hạn

	Tại ngày 31/12/2018	Tại ngày 06/4/2018
Sở Xây dựng Sơn La	100.000.000	100.000.000
Công ty Cổ phần Xi măng Hạ Long – cho vay lại	674.272.078.065	905.071.418.265
Cộng	674.372.078.065	905.171.418.265

TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ - CTCP

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Từ ngày 06 tháng 4 năm 2018 đến ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

6. Phải thu ngắn hạn/dài hạn khác

6a. Phải thu ngắn hạn khác

	Tại ngày 31/12/2018	Tại ngày 06/4/2018
<u>Phải thu các bên liên quan</u>	<u>101.564.087.156</u>	<u>95.685.101.316</u>
<u>Phải thu về cổ tức lợi nhuận được chia</u>	<u>37.733.805.736</u>	<u>37.664.934.671</u>
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Đô thị và Khu công nghiệp Sông Đà	36.300.750.000	36.300.750.000
Công ty TNHH Tư vấn Xây dựng Sông Đà - Ucrin	1.433.055.736	1.364.184.671
<u>Phải thu các khoản khác</u>	<u>63.830.281.420</u>	<u>58.020.166.645</u>
Công ty TNHH MTV Sông Đà 11 - Thăng Long	249.854.605	3.969.042
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Đô thị và Khu công nghiệp Sông Đà	26.242.254	26.242.254
Công ty Cổ phần Sông Đà 11	1.852.843.966	
Công ty TNHH Điện Xekaman 1	41.962.777	131.963.777
Công ty TNHH Điện Xekaman 3	7.280.941.151	7.175.716.160
Công ty Cổ phần Điện Việt - Lào	54.378.436.667	50.417.838.400
Công ty Cổ phần Phát triển nhà Khánh Hòa		19.570.316
Công ty Cổ phần Sông Đà 10.9		244.866.696
<u>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</u>	<u>1.208.428.309.132</u>	<u>1.172.870.005.529</u>
Tạm ứng	134.127.454.861	123.673.493.026
Ký cược, ký quỹ	136.886.981.783	138.002.833.764
Phải thu về cổ phần hóa	5.858.915.738	5.916.915.738
Công ty Cổ phần Xi măng Hạ Long - Lãi và phí cho vay lại	472.864.528.632	442.239.647.925
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	458.690.428.118	463.037.115.076
Cộng	<u>1.309.992.396.288</u>	<u>1.268.555.106.845</u>

6b. Phải thu dài hạn khác

	Tại ngày 31/12/2018	Tại ngày 06/4/2018
Ký quỹ, ký cược dài hạn	5.337.669.808	5.167.478.084
Phải thu dài hạn khác (*)	62.547.976.042	63.715.018.716
Cộng	<u>67.885.645.850</u>	<u>68.882.496.800</u>

- (*) Là khoản góp vốn hợp tác kinh doanh giữa Công ty Cổ phần Sông Đà 12 với Công ty Sản xuất Thương mại BMM (sau đây viết tắt là "BMM") theo hợp đồng liên doanh số 107/2008/HĐLĐ ngày 05/06/2008 về việc liên doanh xây dựng và khai thác Dự án nhà ở cao cấp BMM tại phường Phúc La, Hà Đông, tổng vốn đầu tư của dự án là 312.786.000.000 VND. Theo phụ lục hợp đồng liên doanh số 01/2010/HĐLĐ/SĐ12-BMM ngày 15/10/2010 và phụ lục hợp đồng liên doanh số 02/2013/HĐLĐ/SĐ12-BMM ngày 3-/09/2013, hai bên thỏa thuận BMM góp bằng giá trị quyền sử dụng đất tương đương với 80%, Công ty Cổ phần Sông Đà 12 góp bằng giá trị xây lắp tương đương 20% giá trị đầu tư dự án. Theo phụ lục hợp đồng liên doanh số 03/2016/HĐLĐ/SĐ12-BMM ngày 25/01/2016, BMM trả lại phần vốn góp của tăng 4 trị giá 7.776.000.000 VND. Lợi nhuận công ty được hưởng là 20% thu nhập sau thuế của dự án. Khoản phải thu dài hạn tương ứng số tiền đầu tư đã bỏ và khoản tiền thu do bán các căn hộ thuộc quyền của Công ty Cổ phần Sông Đà 12 sẽ được bù trừ khi quyết toán toàn bộ dự án.

TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ - CTCP

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Từ ngày 06 tháng 4 năm 2018 đến ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**7. Nợ xấu**

	Nợ phải thu, cho vay ngắn hạn	Nợ phải thu, cho vay dài hạn	Cộng
Số đầu năm	291.651.727.006		291.651.727.006
Trích lập dự phòng bổ sung	78.222.291.072	10.014.756.325	88.237.047.397
Hoàn nhập dự phòng	(12.777.598.782)		(12.777.598.782)
Sử dụng dự phòng	(667.903.393)		(667.903.393)
Số cuối năm	356.428.515.903	10.014.756.325	366.443.272.228

8. Hàng tồn kho

	Tại ngày 31/12/2018		Tại ngày 06/4/2018	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng mua đang đi trên đường	1.072.448.024		1.153.359.981	
Nguyên liệu, vật liệu	283.943.290.428		358.022.021.477	
Công cụ, dụng cụ	42.699.366.351		13.982.455.427	
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	2.499.837.531.262		2.666.191.122.138	
Thành phẩm	7.664.308.036		10.821.814.939	
Hàng hóa	5.993.345.091	(781.147.783)	40.515.801.976	(781.147.783)
Hàng hóa bất động sản	30.679.095.616	(12.083.932.889)	28.198.438.727	
Cộng	2.871.889.384.808	(12.865.080.672)	3.118.885.014.665	(781.147.783)

9. Chi phí trả trước ngắn hạn/dài hạn**9a. Chi phí trả trước ngắn hạn**

	Tại ngày 31/12/2018	Tại ngày 06/4/2018
Công cụ dụng cụ	12.782.712.375	11.249.502.001
Chi phí sửa chữa	6.847.112.192	635.576.652
Chi phí bảo hiểm	1.115.828.557	1.071.433.548
Chi phí thiết bị văn phòng	438.467.706	1.915.534.256
Chi phí tư vấn hợp đồng McKinsey	47.677.389.977	47.677.389.977
Chi phí lãi vay		11.124.544.828
Các chi phí trả trước ngắn hạn khác	4.464.611.992	10.492.081.000
Cộng	73.326.122.799	84.166.062.262

9b. Chi phí trả trước dài hạn

	Tại ngày 31/12/2018	Tại ngày 06/4/2018
Chi phí tư vấn tái cấu trúc	48.762.169.973	50.330.292.133
Công cụ dụng cụ	89.527.477.725	98.229.687.321
Chi phí ban điều hành	17.557.903.966	14.251.413.284
Chi phí sửa chữa tài sản	40.490.460.338	25.237.036.418
Thuê đất, thuê văn phòng, nhà xưởng	11.870.767.226	12.162.145.595
Chi phí khắc phục sự cố thiên tai	10.977.140.806	11.120.436.921

TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ - CTCP

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Từ ngày 06 tháng 4 năm 2018 đến ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	Tại ngày 31/12/2018	Tại ngày 06/4/2018
Thương hiệu Sông Đà	10.664.870.228	14.219.826.965
Nhà lắp ghép	4.963.219.618	685.749.298
Các chi phí trả trước dài hạn khác	13.027.541.899	17.886.709.832
Cộng	247.841.551.779	244.123.297.767
10. Thiết bị vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn		
	Tại ngày 31/12/2018	Tại ngày 06/4/2018
Giá trị thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế	18.948.440.616	18.634.456.723
Trừ dự phòng		
Giá trị thuần	18.948.440.616	18.634.456.723
11. Lợi thế thương mại		
Tại ngày 06/4/2018	192.764.617.949	
Phân bổ trong năm	(19.656.195.272)	
Tại ngày 31/12/2018	173.108.422.677	

TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ - CTCP

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Từ ngày 06 tháng 4 năm 2018 đến ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

12. Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
Tại ngày 06/4/2018	8.904.361.383.555	6.713.608.472.222	1.200.135.505.924	29.421.464.381	840.117.071.737	17.687.643.897.819
Mua sắm mới	243.181.818	37.583.151.569	4.405.669.344	1.663.975.697	637.950.000	44.533.928.428
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	7.193.532.375	187.854.320			15.951.954.443	23.333.341.138
Thanh lý, nhượng bán		(61.918.251.315)	(37.669.988.002)	(999.862.125)		(100.588.101.442)
Phân loại sang chi phí trả trước	(1.865.390.909)	(4.668.728.057)		(671.481.818)		(7.205.600.784)
Bản giao về DATC	(2.944.190.436)	(6.282.882.526)	(375.192.202)	(185.650.000)		(9.787.915.164)
Điều chỉnh theo quyết toán vốn đầu tư công trình	566.338.043.982	190.076.578.622	797.547.275			757.212.169.879
Tăng/giảm khác	(167.804.036)	2.808.880.688	(3.081.933.480)	(132.300.000)	(4.521.477.576)	(5.094.634.404)
Tại ngày 31/12/2018	9.473.158.756.349	6.871.395.075.523	1.164.211.608.859	29.096.146.135	852.185.498.604	18.390.047.085.470

Giá trị hao mòn

Tại ngày 06/4/2018	2.560.865.144.968	4.102.483.407.580	889.341.888.272	21.763.139.462	128.028.549.731	7.702.482.130.013
Khấu hao trong kỳ	426.295.078.374	218.157.354.388	44.763.890.085	2.341.565.604	26.550.925.403	718.108.813.854
Hao mòn Tài sản cố định phúc lợi	55.316.732					55.316.732
Thanh lý, nhượng bán		(61.374.791.723)	(37.128.455.275)	(990.996.535)		(99.494.243.533)
Phân loại sang chi phí trả trước	(1.393.272.572)	(4.267.625.585)		(662.015.382)		(6.322.913.539)
Tăng/giảm khác	(22.125.161)	(1.786.114.968)	(1.049.484.765)	(169.499.995)	(615.543.335)	(3.642.768.224)
Tại ngày 31/12/2018	2.985.800.142.341	4.253.212.229.692	895.927.838.317	22.282.193.154	153.963.931.799	8.311.186.335.303
Giá trị còn lại						
Tại ngày 06/4/2018	6.343.496.238.587	2.611.125.064.642	310.793.617.652	7.658.324.919	712.088.522.006	9.985.161.767.806
Tại ngày 31/12/2018	6.487.358.614.008	2.618.182.845.831	268.283.770.542	6.813.952.981	698.221.566.805	10.078.860.750.167

Một số tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại ban đầu theo sổ sách tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 là 3.102.558.304.158 VND đã được thế chấp, cầm cố để đảm bảo cho các khoản vay. Nguyên giá của các tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 2.148.051.625.985 VND, và của tài sản cố định chờ bàn giao theo hợp đồng BOT là 65.249.907.252 VND.

TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ - CTCP

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Từ ngày 06 tháng 4 năm 2018 đến ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

13. Tài sản cố định thuê tài chính

	Tại ngày 06/4/2018	Tăng trong năm	Khấu hao trong năm	Tại ngày 31/12/2018
Nguyên giá	19.740.000.000	13.085.583.090		32.825.583.090
Giá trị hao mòn	3.196.617.755		8.467.570.096	11.664.187.851
Giá trị còn lại	16.543.382.245	13.085.583.090	8.467.570.096	21.161.395.239

14. Tài sản cố định vô hình

Nguyên giá	Chi phí quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Tài sản cố định vô hình khác	Cộng
Tại ngày 06/4/2018	10.935.518.564	4.927.847.447	740.000.000	16.603.366.011
Tại ngày 31/12/2018	10.935.518.564	4.927.847.447	740.000.000	16.603.366.011

Giá trị hao mòn

Tại ngày 06/4/2018	709.517.301	3.495.353.720	582.194.447	4.787.065.468
Khấu hao trong năm	41.387.283	378.519.750	27.972.225	447.879.258
Tại ngày 31/12/2018	750.904.584	3.873.873.470	610.166.672	5.234.944.726

Giá trị còn lại

Tại ngày 06/4/2018	10.226.001.263	1.432.493.727	157.805.553	11.816.300.543
Tại ngày 31/12/2018	10.184.613.980	1.053.973.977	129.833.328	11.368.421.285

Nguyên giá của các tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 3.356.092.923 VND.

TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ - CTCP

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Từ ngày 06 tháng 4 năm 2018 đến ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**15. Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang dài hạn**

	Tại ngày 31/12/2018		Tại ngày 06/4/2018	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Dự án Khu đô thị Hồ Xương Rồng (*)			119.327.896.203	119.327.896.203

(*) Dự án Khu đô thị Hồ Xương Rồng được thành lập theo Quyết định số 1577/QĐ-UBND ngày 12/7/2010 của Ủy ban nhân dân Tỉnh Thái Nguyên. Mục tiêu dự án: Đầu tư xây dựng Khu đô thị hoàn chỉnh và đồng bộ về hệ thống hạ tầng kỹ thuật, kiến trúc cảnh quan theo hướng hiện đại và theo đúng quy hoạch được duyệt. Địa điểm thực hiện dự án: phường Phan Đình Phùng, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên.

16. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Tại ngày 31/12/2018	Tại ngày 06/4/2018
<i>Mua sắm TSCĐ</i>	1.028.905.455	260.195.230
<i>XDCB dở dang</i>	487.024.717.357	1.132.223.640.518
Dự án Quốc lộ 1A đoạn tránh thị xã Hà Tĩnh	17.923.091.526	66.772.743.344
Dự án Thủy điện Sê Kông 3	48.849.426.755	48.849.426.755
Công trình Thủy điện Nậm Chiến	20.843.879.812	792.309.352.475
Công trình thủy điện Đăk lô	30.537.404.553	30.537.404.553
Công trình thủy điện Pake	342.242.641.855	173.796.669.075
Các công trình khác	26.628.272.856	19.958.044.316
<i>Sửa chữa lớn TSCĐ</i>	17.237.967.404	8.827.615.878
Cộng	505.291.590.216	1.141.311.451.626

17. Phải trả người bán ngắn hạn/dài hạn**17a. Phải trả người bán ngắn hạn**

	Tại ngày 31/12/2018	Tại ngày 06/4/2018
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	270.344.638.853	282.335.200.269
Công ty TNHH Tư vấn Xây dựng Sông Đà - Ucrin	5.328.934.827	4.175.984.498
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Đô thị và Khu công nghiệp Sông Đà	67.070.600.000	67.070.600.000
Công ty Cổ phần Sông Đà 11	90.208.565.022	91.993.187.528
Công ty TNHH MTV Sông Đà 11 Thăng Long	60.899.973.971	60.727.431.542
Công ty Cổ phần Sông Đà 10.9	45.716.381.943	50.577.879.070
Công ty Cổ phần Sông Đà 27	68.586.000	2.375.995.541
Công ty Cổ phần Phát triển nhà Khánh Hòa	1.037.957.000	5.400.482.000
Công ty TNHH Điện Xekaman 3	13.640.090	13.640.090
<i>Phải trả các nhà cung cấp khác</i>	2.111.372.943.705	2.021.726.214.486
Cộng	2.381.717.582.558	2.304.061.414.755

TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ - CTCP

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Từ ngày 06 tháng 4 năm 2018 đến ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**17b. Phải trả người bán dài hạn**

	Tại ngày 31/12/2018	Tại ngày 06/4/2018
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	<i>31.152.370.956</i>	<i>32.348.597.525</i>
Công ty TNHH Tư vấn Xây dựng Sông Đà - Ucrin	1.758.904.122	1.770.399.466
Công ty Cổ phần Sông Đà 11	9.948.735.511	10.942.288.511
Công ty Cổ phần Sông Đà 10.9	9.076.273.157	9.628.968.779
Công ty TNHH MTV Sông Đà 11 Thăng Long	10.368.458.166	10.006.940.769
<i>Phải trả các nhà cung cấp khác</i>	<i>151.471.497.716</i>	<i>170.611.697.861</i>
Công ty Cổ phần Sông Đà 7	56.152.431.196	58.673.637.744
Công ty Cổ phần SCI	10.452.369.667	24.469.990.962
Các nhà cung cấp khác	84.866.696.853	87.468.069.155
Cộng	182.623.868.672	202.960.295.386

18. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	Tại ngày 31/12/2018	Tại ngày 06/4/2018
<i>Trả trước của các bên liên quan</i>	<i>72.651.676.890</i>	<i>59.993.145.812</i>
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Phát triển Đô thị Sông Đà	200.000.000	
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Đô thị và Khu công nghiệp Sông Đà	145.131.990	345.131.990
Công ty Cổ phần Sông Đà 11		18.171.623.950
Công ty TNHH Điện Xekaman 3	41.584.505.448	22.359.308.483
Công ty TNHH Điện Xekaman 1	22.171.254.431	13.647.460.327
Công ty TNHH MTV Sông Đà 11 Thăng Long	3.081.163.959	
Công ty Cổ phần Năng lượng Someco 1	5.469.621.062	5.469.621.062
<i>Trả trước của các khách hàng khác</i>	<i>1.085.509.398.950</i>	<i>601.896.920.422</i>
Công ty TNHH Đầu tư BT Cam Lộ - Túy Loan	71.145.858.000	156.759.202.000
Ban quản lý đầu tư và Xây dựng Thủy Lợi 2	183.379.664.000	
Ban quản lý Đầu tư và Xây dựng Thủy Lợi 7	253.895.287.000	
Công ty Cổ phần Thủy điện Pắc Mả	103.486.126.264	
Ban quản lý Đầu tư Xây dựng Công trình Giao thông đô thị Thành phố Hồ Chí Minh	96.563.967.567	104.720.658.460
Các đối tượng khác	377.038.496.119	340.417.059.962
Cộng	1.158.161.075.840	661.890.066.234

TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ - CTCP

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Từ ngày 06 tháng 4 năm 2018 đến ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

19. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Tại ngày 06/4/2018			Số phát sinh trong năm			Tại ngày 31/12/2018	
	Phải nộp	Phải thu		Phải nộp	Đã nộp	Giảm khác	Phải nộp	Phải thu
<i>Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước</i>	337.129.394.454	7.408.733.781		561.976.079.979	(607.842.829.321)	(920.916.101)	290.178.963.228	7.245.967.998
Thuế GTGT hàng bán nội địa	143.019.665.001	626.089.623		257.988.041.085	(268.155.316.728)	(920.916.101)	132.372.489.083	1.067.105.449
Thuế GTGT hàng bán nội địa				5.096.424.017	(5.096.424.017)			
Thuế thu nhập doanh nghiệp	71.969.966.958	5.444.158.972		58.201.657.495	(69.230.439.731)		60.011.016.271	4.513.990.521
Thuế thu nhập cá nhân	11.154.214.355	1.286.061.883		11.662.672.705	(9.318.423.468)		13.405.903.343	1.193.501.634
Thuế nhà thầu nước ngoài	44.271.463			224.179.384	(268.450.847)			
Thuế tài nguyên	26.758.948.456			165.651.962.052	(175.656.455.915)		17.183.326.907	428.872.314
Thuế bảo vệ môi trường	2.679.632.940			17.046.921.779	(15.331.290.671)		4.395.264.048	
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	8.307.007.416	37.701.212		6.893.414.034	(7.713.398.252)		7.477.597.975	28.275.989
Các loại thuế khác	3.777.191.973	368.400		18.030.576.169	(18.195.865.616)		3.611.902.526	368.400
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	69.418.495.892	14.353.691		21.180.231.259	(38.876.764.076)		51.721.463.075	13.853.691
<i>Lợi nhuận nộp Ngân sách</i>	139.065.281.085				(42.299.028.734)		96.766.252.351	
Cộng	476.194.675.539	7.408.733.781		561.976.079.979	(650.141.858.055)	(920.916.101)	386.945.215.579	7.245.967.998

TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ - CTCP

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Từ ngày 06 tháng 4 năm 2018 đến ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**20. Chi phí phải trả ngắn hạn**

	Tại ngày 31/12/2018	Tại ngày 06/4/2018
Chi phí lãi tiền vay, lãi trái phiếu	193.838.859.820	715.226.166.484
Chi phí các công trình	280.810.438.782	353.404.797.226
Chi phí phải trả khác	61.305.085.120	112.869.390.476
Cộng	535.954.383.722	1.181.500.354.186

21. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn/dài hạn

	Tại ngày 31/12/2018	Tại ngày 06/4/2018
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	10.400.631.022	12.243.028.468
Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	95.082.584.485	80.190.228.253
Cộng	105.483.215.507	92.433.256.721

22. Phải trả ngắn hạn/dài hạn khác**22a. Phải trả ngắn hạn khác**

	Tại ngày 31/12/2018	Tại ngày 06/4/2018
Phải trả các bên liên quan	4.689.099.652	5.937.707.535
Công ty Cổ phần Sông Đà 11	125.496.113	125.496.113
Công ty TNHH Điện Xekaman 1	70.224.988	22.596.448
Công ty TNHH Điện Xekaman 3	4.437.443.551	4.414.098.271
Công ty TNHH Tư vấn Xây dựng Sông Đà Ucrin	51.435.000	51.435.000
Chi nhánh Sông Đà 11.2 Thăng Long –		1.319.581.703
Công ty TNHH MTV Sông Đà		
Công ty Cổ phần Năng lượng Someco 1	4.500.000	4.500.000
Phải trả các đơn vị và cá nhân khác	2.187.754.444.001	1.520.652.202.494
Kinh phí công đoàn	20.043.260.712	18.957.755.173
Bảo hiểm xã hội	72.055.847.336	58.733.278.365
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	133.311.993.820	66.452.925.102
Lãi vay và các khoản phải trả Bộ Tài chính	370.755.500.517	129.906.240.098
Chi phí lãi vay khác	427.069.952.981	40.988.894.982
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	217.424.540.915	129.204.918.181
Các khoản chờ quyết toán cổ phần hóa	475.244.873.145	475.244.873.145
Khoản thu cước phí tạm xác định chờ xử lý theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền	74.724.568.335	76.138.419.953
Chi phí trung, đại tu chờ quyết toán	56.070.347.372	
Tiền đặt cọc mua Cổ phần	61.000.000.000	61.000.000.000
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	280.053.558.868	464.024.897.495
Cộng	2.192.443.543.653	1.526.589.910.029

TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ - CTCP

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Từ ngày 06 tháng 4 năm 2018 đến ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**22b. Phải trả dài hạn khác**

	Tại ngày 31/12/2018	Tại ngày 06/4/2018
Phải trả người ủy thác đầu tư	51.359.220.000	51.525.100.000
Nhận ký quỹ, ký cược	2.814.792.260	12.897.206.081
Chi phí trung tu, đại tu công trình		108.105.170.322
Tiền bán căn hộ theo hợp đồng liên doanh với Công ty Sản xuất Thương mại BMM	57.760.396.881	57.760.396.881
Các khoản phải trả dài hạn khác	7.941.989.400	12.402.181.449
Cộng	119.876.398.541	242.690.054.733

23. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn/dài hạn**23a. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn**

	Tại ngày 31/12/2018	Tại ngày 06/4/2018
Vay ngân hàng	3.891.470.120.831	4.137.041.734.206
Vay các tổ chức và cá nhân khác	20.894.847.937	17.986.912.519
Vay dài hạn đến hạn trả	2.379.791.046.997	2.711.651.446.829
Nợ thuê tài chính đến hạn trả	7.700.699.297	4.556.250.000
Cộng	6.299.856.715.062	6.871.236.343.554

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn trong kỳ như sau:

	Vay ngân hàng	Vay các tổ chức, cá nhân khác	Vay dài hạn đến hạn trả	Nợ thuê tài chính đến hạn trả	Cộng
Tại ngày 06/4/2018	4.137.041.734.206	17.679.912.519	2.711.958.446.829	4.556.250.000	6.871.236.343.554
Số tiền vay phát sinh trong kỳ	4.165.233.506.827	8.829.805.658			4.174.063.312.485
Số kết chuyển	35.082.759.729		1.273.142.211.538	8.158.318.963	1.316.383.290.230
Lãi nhập gốc		148.770.581			148.770.581
Chênh lệch tỷ giá			(63.535.416.978)		(63.535.416.978)
Số tiền vay đã trả trong kỳ	(4.445.887.879.931)	(5.763.640.821)	(1.541.774.194.392)	(5.013.869.666)	(5.998.439.584.810)
Tại ngày 31/12/2018	3.891.470.120.831	20.894.847.937	2.379.791.046.997	7.700.699.297	6.299.856.715.062

TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ - CTCP

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Từ ngày 06 tháng 4 năm 2018 đến ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**23b. Vay dài hạn**

	Tại ngày 31/12/2018	Tại ngày 06/4/2018
Vay Ngân hàng	6.248.962.768.545	7.588.999.394.017
Trái phiếu (*)	1.146.531.178.832	1.141.463.751.825
Nợ thuê tài chính dài hạn	8.128.750.000	7.788.750.000
Cộng	7.403.622.697.377	8.738.251.895.842

Trái phiếu không chuyển đổi năm 2017: Ngày 30 tháng 12 năm 2017, Tổng công ty Sông Đà đã ký hợp đồng đặt mua trái phiếu không chuyển đổi với 03 ngân hàng: Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Tây, Ngân hàng TMCP Tiên phong và Ngân hàng TMCP Bảo Việt để tái cơ cấu các khoản nợ với tổng mệnh giá trái phiếu là **1.160.000.000.000 VND**. Kỳ hạn của trái phiếu là 3 năm tính từ ngày 30 tháng 12 năm 2017. Lãi suất áp dụng cho kỳ tính lãi đầu tiên của trái phiếu là 11%/năm, lãi suất áp dụng từ kỳ tính lãi tiếp theo của Trái phiếu được xác định tại ngày làm việc thứ 07 trước ngày đầu tiên của mỗi kỳ tính lãi, bằng trung bình cộng lãi suất tiền gửi tiết kiệm cá nhân bằng VND, trả sau, kỳ hạn 12 tháng (hoặc tương đương) công bố bởi Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (Chi nhánh Hà Nội), Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (Chi nhánh Sở Giao dịch), Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (Sở Giao dịch) cộng biên độ 4%/năm. Tài sản đảm bảo là Cổ phiếu mà Tổng công ty Sông Đà nắm giữ bao gồm: SJD, SD5, SD6, SD9, SDT, SD2, SD3, SD4, SJS, SDC, MEC. Trong tháng 01 năm 2018 Tổng công ty đã nhận được tiền trái phiếu và đã sử dụng số tiền này để thanh toán trước hạn cho trái phiếu Sông Đà phát hành năm 2015.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay dài hạn như sau:

	Vay ngân hàng	Trái phiếu	Nợ thuê tài chính dài hạn	Cộng
Tại ngày 06/4/2018	7.588.999.394.017	1.141.463.751.825	7.788.750.000	8.738.251.895.842
Số tiền vay phát sinh trong kỳ	127.487.476.733			127.487.476.733
Nợ thuê tài chính phát sinh trong năm			12.972.973.670	12.972.973.670
Số tiền vay đã trả trong năm	(203.309.913.032)		(4.474.654.707)	(207.784.567.739)
Số kết chuyển	(1.308.224.971.267)		(8.158.318.963)	(1.316.383.290.230)
Chênh lệch tỷ giá	44.010.782.094			44.010.782.094
Phân bổ chi phí phát hành trái phiếu		5.067.427.007		5.067.427.007
Tại ngày 31/12/2018	6.248.962.768.545	1.146.531.178.832	8.128.750.000	7.403.622.697.377

TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ - CTCP

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Từ ngày 06 tháng 4 năm 2018 đến ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**23c. Vay dài hạn**

Chi tiết về các khoản vay để cho Công ty Cổ phần Xi măng Hạ Long vay lại tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2018 như sau:

	Tổng dư nợ vay	Cho Xi măng Hạ Long vay lại	Phục vụ cho SXKD của Tập đoàn
<i>Thời hạn dưới 1 năm</i>	1.371.178.510.406	1.061.512.960.765	309.665.549.641
Vay Ngân hàng NIB	529.361.883.616	270.347.528.940	259.014.354.676
Vay Ngân hàng Natixis	157.975.694.559	157.975.694.559	
Vay Ngân hàng ADB	68.271.057.503	17.619.862.538	50.651.194.965
Vay Bộ Tài chính	615.569.874.728	615.569.874.728	
<i>Thời hạn trên 1 năm</i>	2.473.779.610.518	674.272.078.065	1.799.507.532.453
Vay Ngân hàng NIB	76.314.582.004	44.019.027.938	32.295.554.066
Vay Ngân hàng ADB	2.397.465.028.514	630.253.050.127	1.767.211.978.387
Cộng	3.844.958.120.924	1.735.785.038.830	2.109.173.082.094
Vay Ngân hàng NIB	605.676.465.620	314.366.556.878	291.309.908.742
Vay Ngân hàng Natixis	157.975.694.559	157.975.694.559	
Vay Ngân hàng ADB	2.465.736.086.017	647.872.912.665	1.817.863.173.352
Vay Bộ Tài chính	615.569.874.728	615.569.874.728	

24. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Tại ngày 06/4/2018	44.552.469.869
Tăng do trích lập từ lợi nhuận	54.349.477.070
Chi quỹ trong năm	(44.321.194.370)
Tại ngày 31/12/2018	54.580.752.569

25. Vốn chủ sở hữu**25a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Tại ngày 06/4/2018	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Tại ngày 31/12/2018
Vốn góp của chủ sở hữu	4.495.371.120.000			4.495.371.120.000
Thặng dư vốn cổ phần	87.348.327.332	34.219.113.050		121.567.440.382
Vốn khác của chủ sở hữu	19.953.408.828	1.045.539.297		20.998.948.125
Chênh lệch đánh giá lại tài sản	(1.629.294.875.287)			(1.629.294.875.287)
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	294.376.962.459			242.940.292.010
Quỹ đầu tư phát triển	486.391.358.613	263.244.701.517		749.636.060.130
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	3.797.338.433	3.000.777.311		6.798.115.744
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	1.044.056.396.987		127.075.044.101	916.981.352.886
Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	8.499.721	1.249.985		9.749.706
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	2.980.278.462.962		368.210.117.746	2.612.068.345.216
Cộng	7.782.287.000.048	301.511.381.160	495.285.161.847	7.537.076.548.912

TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ - CTCP

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Từ ngày 06 tháng 4 năm 2018 đến ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

25b. Thặng dư vốn cổ phần

	Tại ngày 31/12/2018	Tại ngày 06/4/2018
Tổng số thặng dư vốn cổ phần của các Công ty con được hợp nhất	274.670.739.377	274.670.739.377
Loại trừ vào các khoản đầu tư lẫn nhau	(33.882.679.977)	(33.882.679.977)
Lợi ích Cổ đông không kiểm soát	(119.220.619.018)	(153.439.732.068)
Thặng dư vốn cổ phần của Tổng công ty	121.567.440.382	87.348.327.332

25c. Lợi ích cổ đông không kiểm soát

Lợi ích cổ đông không kiểm soát thể hiện phần quyền lợi của các cổ đông không kiểm soát trong giá trị tài sản thuần của các công ty con. Chi tiết lợi ích của cổ đông không kiểm soát như sau:

	Tại ngày 31/12/2018	Tại ngày 06/4/2018
Vốn đầu tư của Chủ sở hữu	1.681.513.650.000	1.681.513.650.000
Thặng dư vốn cổ phần	119.220.619.018	153.439.732.068
Vốn khác của Chủ sở hữu	19.359.846.835	18.953.563.971
Cổ phiếu quỹ	(620.000)	(620.000)
Quỹ đầu tư phát triển	505.368.577.484	659.584.556.133
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	3.797.338.433	6.798.115.744
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	102.585.719.534	272.207.040.011
Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	6.916.414	8.166.399
Lợi ích cổ đông không kiểm soát tại các Công ty con	180.216.297.498	187.774.258.636
Cộng	2.612.068.345.216	2.980.278.462.962

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Từ ngày 06/4/2018 đến 31/12/2018	Năm 2017
Tổng doanh thu	6.057.731.056.927	9.133.090.245.317
Doanh thu sản xuất công nghiệp	1.761.100.080.071	2.152.562.120.586
Doanh thu bán vật tư, hàng hóa	226.534.303.778	394.566.345.521
Doanh thu dịch vụ	275.822.488.003	304.269.452.710
Doanh thu kinh doanh bất động sản	104.282.726.929	171.473.015.456
Doanh thu hoạt động xây dựng	3.622.280.224.524	6.023.366.352.364
Doanh thu hoạt động kinh doanh khác	67.711.233.622	86.852.958.680
Các khoản giảm trừ doanh thu	(32.890.309.829)	(58.825.767.254)
Doanh thu thuần	6.024.840.747.098	9.074.264.478.063

TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ - CTCP

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Từ ngày 06 tháng 4 năm 2018 đến ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

2. Giá vốn hàng bán

	Từ ngày 06/4/2018 đến 31/12/2018	Năm 2017
Giá vốn sản xuất công nghiệp	820.163.699.402	1.021.831.893.522
Giá vốn vật tư, hàng hóa	223.233.953.587	375.160.469.872
Giá vốn dịch vụ	229.104.167.830	192.732.346.398
Giá vốn kinh doanh bất động sản	78.390.379.128	120.774.073.303
Giá vốn hoạt động xây dựng	3.126.846.306.214	5.341.582.674.747
Giá vốn hoạt động kinh doanh khác	30.632.540.339	79.808.218.152
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	12.083.932.889	
Cộng	4.520.454.979.389	7.131.889.675.994

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Từ ngày 06/4/2018 đến 31/12/2018	Năm 2017
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	161.067.794.807	247.209.964.428
Cổ tức, lợi nhuận được chia	18.506.995.745	74.701.353.176
Lãi thanh lý các khoản đầu tư tài chính		222.009.822.742
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	5.001.202.116	9.734.810.542
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	30.414.621.391	11.484.379.794
Lãi bán hàng trả chậm	8.470.952.907	
Doanh thu hoạt động tài chính khác	18.543.737.709	1.271.031.164
Cộng	242.005.304.675	566.411.361.846

4. Chi phí tài chính

	Từ ngày 06/4/2018 đến 31/12/2018	Năm 2017
Chi phí lãi tiền vay	723.530.888.329	1.118.923.362.902
Lãi trái phiếu, chi phí phát hành trái phiếu	97.588.709.200	142.751.267.236
Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn		16.977.296.010
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	36.320.532.321	11.660.765.373
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	16.268.590.447	41.316.991.521
Hoàn nhập dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	(1.518.614.730)	(56.015.004.591)
Chi phí tài chính khác	9.870.650.729	13.986.712.368
Cộng	882.060.756.296	1.289.601.390.819

TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ - CTCP

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Từ ngày 06 tháng 4 năm 2018 đến ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Từ ngày 06/4/2018 đến 31/12/2018	Năm 2017
Chi phí cho nhân viên	252.319.370.641	363.479.594.711
Chi phí vật liệu quản lý	15.336.494.049	25.484.911.874
Chi phí đồ dùng văn phòng	9.837.442.745	
Chi phí khấu hao tài sản cố định	16.976.432.260	17.147.450.877
Thuế, phí và lệ phí	6.817.228.231	5.037.173.425
Dự phòng nợ phải thu khó đòi	75.459.448.615	60.427.455.548
Chi phí dịch vụ mua ngoài	35.462.178.334	45.051.045.870
Chi phí bằng tiền khác	99.263.067.521	141.050.838.303
Cộng	511.471.662.396	657.678.470.608

6. Thu nhập khác

	Từ ngày 06/4/2018 đến 31/12/2018	Năm 2017
Lãi thanh lý TSCĐ	5.340.676.165	34.150.557.204
Thu từ thanh lý Công cụ dụng cụ	4.137.712.897	5.721.208.492
Thu tiền bồi thường	5.983.068.078	4.426.546.206
Công nợ không phải trả		1.405.195.685
Hoàn nhập trích trước chi phí công trình	13.559.847.672	5.281.141.691
Thu về chuyển nhượng chứng chỉ phát thải	5.608.186.865	4.304.047.692
Phí y tế và bảo vệ công trình	1.671.281.186	1.384.047.967
Thu nhập từ nông trường Trà Đà	5.877.465.635	
Thu nhập khác	3.621.564.751	13.247.679.610
Cộng	45.799.803.249	69.920.424.547

7. Chi phí khác

	Từ ngày 06/4/2018 đến 31/12/2018	Năm 2017
Chi phí thanh lý công cụ, dụng cụ	598.176.398	
Phạt chậm nộp thuế, bảo hiểm xã hội và phạt khác	12.059.789.156	57.716.912.654
Thuế TNDN, TNCN nộp bên Lào	2.609.896.029	
Phí y tế và bảo vệ công trình	1.268.262.933	1.384.047.967
Chi phí chuyển nhượng giảm phát thải	1.872.089.647	1.434.438.164
Chi phí khác	2.539.037.825	22.442.272.952
Cộng	20.947.251.988	82.977.671.737

TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ - CTCP

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Từ ngày 06 tháng 4 năm 2018 đến ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

8. Phân lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết

	Tỷ lệ vốn góp %	Phân lợi nhuận sau thuế hoặc lỗ phát sinh trong năm của Công ty liên kết	Phân lợi nhuận hoặc lỗ của Công ty mẹ trong công ty liên kết
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Phát triển Đô thị Sông Đà	30,00%	5.255.886.377	1.576.765.913
Công ty TNHH Tư Vấn Xây dựng Sông Đà - UCRIN	50,00%	366.003.291	114.130.991
Công ty Cổ phần Cao su Phú Riềng Kratie	25,00%		(90.600.000.000)
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Đô thị và Khu Công nghiệp Sông Đà	36,65%	60.277.965.091	22.093.163.188
Công ty Cổ phần Sông Đà 11	26,86%	19.783.104.959	1.900.161.159
Công ty Cổ phần Phát triển nhà Khánh Hòa	36,00%	331.683.649	(1.969.293.466)
Công ty Cổ phần Điện Việt - Lào	38,29%	255.805.616.182	89.807.783.794
Phân lợi nhuận trong Công ty liên kết của Công ty con trong Báo cáo hợp nhất			(429.428.598)
Cộng		341.820.259.549	22.493.282.981

9. Lãi trên cổ phiếu

9a. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Từ ngày 06/4/2018 đến 31/12/2018
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp của cổ đông công ty mẹ	142.833.218.132
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	
Trích thưởng Hội đồng quản trị, Ban điều hành và Ban kiểm soát	
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	
Lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	142.833.218.132
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm	449.537.112
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	318

9b. Thông tin khác

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc năm tài chính đến ngày công bố Báo cáo tài chính hợp nhất này.

TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ - CTCP

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Từ ngày 06 tháng 4 năm 2018 đến ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Tập đoàn bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

1a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban điều hành (Ban Tổng Giám đốc, Giám đốc tài chính, kế toán trưởng). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Tập đoàn không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cũng như các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Tập đoàn không có công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt chỉ có lương với tổng tiền lương trong năm là 872.030.107 VND.

1b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Tập đoàn gồm:

Bên liên quan khác	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần Sông Đà 11	Công ty liên kết
Công ty TNHH MTV Sông Đà 11 Thăng Long	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Điện Việt - Lào	Công ty liên kết
Công ty TNHH Điện Xekaman 1	Công ty liên kết
Công ty TNHH Điện Xekaman 3	Công ty liên kết
Công ty TNHH Tư vấn Xây dựng Sông Đà - Ucrin	Công ty liên doanh
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Phát triển Đô thị Sông Đà	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Đô thị và Khu công nghiệp Sông Đà	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Năng lượng Someco 1	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Phát triển nhà Khánh Hòa	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Sông Đà 10.9	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Sông Đà 12 - Nguyên Lộc	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Sông Đà 27	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Năng lượng Someco 1	Công ty liên kết

Giao dịch với các bên liên quan khác

Ngoài các giao dịch phát sinh với các công ty liên doanh, liên kết đã được trình bày ở thuyết minh số V.2c, Tập đoàn không phát sinh giao dịch với các bên liên quan khác.

TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ - CTCP

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Từ ngày 06 tháng 4 năm 2018 đến ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Giá hàng hóa, dịch vụ cung cấp cho các bên liên quan khác là giá thị trường do Tập đoàn công bố. Việc mua hàng hóa, dịch vụ từ các bên liên quan khác được thực hiện theo giá thị trường.

Công nợ với các bên liên quan khác

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại các thuyết minh số V.3, V.4, V.5, V.6, V.17, V.18, V.22 và V.23.

Các khoản công nợ phải thu các bên liên quan khác không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền.

2. Thông tin về bộ phận

Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ và hệ thống Báo cáo tài chính nội bộ của Tập đoàn do các hoạt động kinh doanh của Tập đoàn được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm và dịch vụ cung cấp với mỗi một bộ phận là một đơn vị kinh doanh cung cấp các sản phẩm khác nhau và phục vụ cho các thị trường khác nhau.

2a. Thông tin về lĩnh vực kinh doanh

Tập đoàn có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Lĩnh vực sản xuất công nghiệp: Sản xuất điện.
- Lĩnh vực xây lắp: xây dựng công trình.
- Lĩnh vực khác: dịch vụ khác, bất động sản, hàng hóa...

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Tập đoàn như sau:

	Sản xuất công nghiệp	Xây lắp	Lĩnh vực khác	Cộng
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	1.761.100.080.071	3.589.389.914.695	674.350.752.332	6.024.840.747.098
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận				
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.761.100.080.071	3.589.389.914.695	674.350.752.332	6.024.840.747.098
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	940.936.380.669	462.543.608.481	100.905.778.559	1.504.385.767.709
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận				(517.152.186.423)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh				987.233.581.286
Doanh thu hoạt động tài chính				242.005.304.675
Chi phí tài chính				(882.060.756.296)
Phân lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết				22.493.282.981
Thu nhập khác				45.799.803.249
Chi phí khác				(20.947.251.988)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành				(58.201.657.495)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại				(2.818.715.824)

TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ - CTCP

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Từ ngày 06 tháng 4 năm 2018 đến ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	Sản xuất công nghiệp	Xây lắp	Lĩnh vực khác	Cộng
<i>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</i>				333.503.590.588
<i>Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác</i>	14.005.117.729	65.775.558.564	1.172.176.363	80.952.852.656
<i>Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn</i>	387.070.948.728	211.965.918.200	132.774.461.748	731.811.328.676
Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Tập đoàn như sau:				
	Sản xuất công nghiệp	Xây lắp	Lĩnh vực khác	Cộng
Số cuối năm				
Tài sản trực tiếp của bộ phận	8.934.380.739.654	15.122.936.986.919	1.123.722.787.195	25.181.040.513.768
Tài sản phân bổ cho bộ phận				
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận				3.506.727.626.658
Tổng tài sản				28.687.768.140.426
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	5.696.727.346.167	15.172.597.539.576	281.332.110.174	21.150.656.995.917
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận				
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận				
Tổng nợ phải trả				21.150.656.995.917
Số đầu năm				
Tài sản trực tiếp của bộ phận	9.385.710.344.058	15.939.372.212.663	1.402.358.671.774	26.727.441.228.495
Tài sản phân bổ cho bộ phận				
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận				3.709.019.823.637
Tổng tài sản				30.436.461.052.132
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	6.094.517.752.156	16.000.879.044.350	558.742.659.981	22.654.139.456.487
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận				
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận				
Tổng nợ phải trả				22.654.139.456.487

TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ - CTCP

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Từ ngày 06 tháng 4 năm 2018 đến ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

2b. Thông tin về khu vực địa lý

Chi tiết doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của khách hàng như sau:

Trong nước	5.587.144.959.465
Ngoài nước	437.695.787.633
Cộng	6.024.840.747.098

Chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác chỉ có trên lãnh thổ Việt Nam. Tài sản bộ phận theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của tài sản như sau:

Trong nước	27.266.472.228.693
Ngoài nước	1.421.295.911.734
Cộng	28.687.768.140.426

3. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

Người lập biểu

Lê Thị Mai Hương

Kế toán trưởng

Vũ Đức Quang

Lập, ngày 10 tháng 4 năm 2019

Tổng Giám đốc



Trần Văn Tuấn

